

Số: 1138 /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng và trong lĩnh vực quản lý vùng trời thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

*Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng và trong lĩnh vực quản lý vùng trời thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

**Điều 2.**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2026.

2. Quyết định số 229/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 03 năm 2024 và Quyết định số 274a/QĐ-BGTVT ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải hết hiệu lực kể từ ngày 01/07/2026.

3. Thay thế các thủ tục hành chính STT từ 15 đến 39 Quyết định số 1204/QĐ-BGTVT ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

4. Thay thế các thủ tục hành chính STT 4, 5, 8, 9, 10, 11, 12, 13 Quyết định số 71/QĐ-BXD ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Quốc phòng;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, CHKVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Anh Tuấn**

**Phụ lục I****DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG VÀ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÙNG TRỜI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG****1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung ban hành mới	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính do trung ương giải quyết</b>				
1.		Chấp thuận đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình trên đất quốc phòng, an ninh	Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng
2.		Chấp thuận việc đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình là tài sản công mà không phải chuyển quyền sở hữu tài sản		Cơ quan chủ sở hữu tài sản công

**2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
1.	1.009437	Lập, điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không hiện hữu	Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh	Bộ Xây dựng
2.	1.004682	Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không		Cục Hàng không Việt Nam
3.	1.004674	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không		Cục Hàng không Việt Nam

4.	1.000452	Cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không	Cục Hàng không Việt Nam
5.	1.000465	Cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không	Cục Hàng không Việt Nam
6.	1.004716	Cấp Giấy chứng nhận cảng hàng không/Giấy chứng nhận bãi cất, hạ cánh	Cục Hàng không Việt Nam
7.	1.002866	Cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không/Giấy chứng nhận bãi cất, hạ cánh	Cục Hàng không Việt Nam
8.	1.004713	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay hoặc tài liệu khai thác bãi cất, hạ cánh	Cục Hàng không Việt Nam
9.	1.009436	Chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế	Cục Hàng không Việt Nam
10.	1.004709	Đưa công trình, một phần công trình vào khai thác	Cục Hàng không Việt Nam
11.	1.009439	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình	Cục Hàng không Việt Nam
12.	1.004711	Chấp thuận phương án, điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công	Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không

### 3. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính do trung ương giải quyết</b>					
1.	1.001369	Mở cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh	Hàng không	Cục Hàng không Việt Nam
2.	1.002855	Sửa đổi Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay		Hàng không	
3.	1.002886	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không		Hàng không	Cảng vụ hàng không (dưới 24 giờ) và Bộ Xây dựng, Cục HKVN, (liên thông) (trên 24h)
4.	1.002890	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay để cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng		Hàng không	Bộ Xây dựng; Cục HKVN (Liên thông)
5.	1.004706	Đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay		Hàng không	Cục Hàng không Việt Nam
6.	1.009438	Thủ tục phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư		Hàng không	Cục Hàng không Việt Nam
7.	1.002845	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam		Hàng không	Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không
8.	1.002884	Thủ tục cấp biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng		Hàng không	Cảng vụ hàng không

		không, sân bay		
9.	1.004724	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cảng vụ hàng không
10.	1.002897	Sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cảng vụ hàng không
11.	1.002880	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cảng vụ hàng không
12.	1.004719	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cảng vụ hàng không

**PHẦN II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI,  
BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÙNG TRỜI  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG**

**1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung ban hành mới	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính do trung ương giải quyết</b>				
1.		Phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh	Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh	Bộ Quốc phòng
2.		Phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh		Bộ Tổng tham mưu

**2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính do trung ương giải quyết</b>				
1.	1.013279	Mở bãi cất, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo	Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh	Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu
2.	1.013280	Đóng bãi cất, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo		Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu
3.	1.013281	Mở bãi cất, hạ cánh trên boong tàu		Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu
4.	1.013282	Đóng bãi cất, hạ cánh trên boong tàu		Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu
5.	1.013283	Thủ tục đóng tạm thời bãi bãi cất, hạ cánh		Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu
6.	1.013284	Mở lại bãi cất, hạ cánh		Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu

### 3. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính do trung ương giải quyết</b>					
1.	1.013257	Mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước	Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh	Quản lý vùng trời	Bộ Tổng Tham mưu
2.	1.013278	Đóng sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước		Quản lý vùng trời	Bộ Tổng Tham mưu

**Phụ lục II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC**  
**BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH**  
**VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA BỘ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm  
2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**1. Lập, điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không hiện hữu**

**1.1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Trong vòng 180 ngày kể từ ngày quy hoạch chi tiết cảng hàng không được phê duyệt, nhà đầu tư cảng hàng không hoặc doanh nghiệp cảng hàng không chủ trì lập kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không phù hợp với quy hoạch chi tiết cảng hàng không và gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đến Bộ Xây dựng.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Xây dựng lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không. Trường hợp các công trình đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, Bộ Xây dựng lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không; trường hợp không phê duyệt, Bộ Xây dựng có văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

**1.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Xây dựng.

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị phê duyệt kế hoạch hoặc điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không theo Mẫu số I.03 quy định tại

Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử bản thuyết minh đánh giá nhu cầu, sự cần thiết đầu tư và kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng đối với các công trình hoặc bản thuyết minh đánh giá nội dung điều chỉnh.

b) Số lượng: 01 bộ

**1.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn lấy ý kiến: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời hạn ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức**

**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng

d) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

**1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không hoặc

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**1.8. Phí, lệ phí: Không**

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị phê duyệt kế hoạch hoặc điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không;

- Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không;

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

**1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Yêu cầu

1. Phạm vi và giai đoạn của kế hoạch:

a) Phạm vi kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không được lập cho danh mục công trình tại cảng hàng không;

b) Giai đoạn kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không được lập cho giai đoạn tối thiểu 05 năm và không vượt quá giai đoạn tầm nhìn quy hoạch cảng hàng không.

2. Nội dung kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng đối với từng công trình tại cảng hàng không gồm:

a) Tên công trình;

b) Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư;

c) Nhu cầu sử dụng đất;

d) Sơ bộ tổng mức đầu tư;

- đ) Dự kiến nguồn vốn đầu tư;
- e) Thời gian thực hiện;
- g) Dự kiến hình thức đầu tư.
- b) Điều kiện

- Trường hợp có thay đổi nội dung kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không hoặc khi có nhu cầu, nhà đầu tư cảng hàng không hoặc doanh nghiệp cảng hàng không có trách nhiệm rà soát, trình Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không cho phù hợp.

- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các bộ, ngành có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ bố trí vốn ngân sách nhà nước để đầu tư hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư để thay thế nhà đầu tư cảng hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không hiện hữu thực hiện đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Quá thời hạn 180 ngày kể từ ngày quy hoạch chi tiết cảng hàng không được phê duyệt mà nhà đầu tư cảng hàng không và doanh nghiệp cảng hàng không không lập và trình kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không;

b) Nhà đầu tư cảng hàng không và doanh nghiệp cảng hàng không có văn bản đề xuất không thực hiện đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không;

c) Nhà đầu tư cảng hàng không và doanh nghiệp cảng hàng không không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của doanh nghiệp cảng hàng không được quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

d) Không thỏa thuận được với nhà đầu tư để đầu tư mở rộng, nâng cấp cảng hàng không theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 31 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

- Đối với cảng hàng không đã được đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà đầu tư cảng hàng không lập kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo quy hoạch đối với các hạng mục công trình ngoài phạm vi hợp đồng đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

#### **1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cất, hạ cánh.

**a) Đơn đề nghị Phê duyệt kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng cảng hàng không**

**Mẫu số I.03**

**TÊN TỔ CHỨC <sup>(1)</sup>**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ....

..., ngày .... tháng .... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Phê duyệt kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng cảng hàng không <sup>(2)</sup> .....**

Kính gửi: Bộ Xây dựng.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;  
Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ <sup>(3)</sup> .....;

(Tên tổ chức) đề nghị Bộ Xây dựng phê duyệt kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng cảng hàng không <sup>(2)</sup> ..... với các nội dung chính sau đây:

**I. THÔNG TIN TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH/ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÂNG CẤP, MỞ RỘNG CẢNG HÀNG KHÔNG**

- 1. Tên tổ chức:.....
- 2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
- 3. Địa chỉ liên lạc: .....

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM VĂN BẢN**

- 1. Thuyết minh đánh giá nhu cầu, sự cần thiết đầu tư và kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng đối với từng hạng mục công trình hoặc thuyết minh điều chỉnh;
- 2. Bảng giải trình ý kiến của các cơ quan, đơn vị.
- 3. Các tài liệu khác (nếu có)

**III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH/ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÂNG CẤP, MỞ RỘNG CẢNG HÀNG KHÔNG <sup>(4)</sup>**

- 1. Tên công trình:
- 2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư:
- 3. Nhu cầu sử dụng đất:
- 4. Sơ bộ tổng mức đầu tư:
- 5. Dự kiến nguồn vốn đầu tư:
- 6. Thời gian thực hiện:
- 7. Hình thức đầu tư:

(Tên tổ chức) trình Bộ Xây dựng phê duyệt kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch

đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng cảng hàng không <sup>(2)</sup> ..... với các nội dung nêu trên.

**Nơi nhận:**

- ....  
- ....

### **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ  
theo quy định pháp luật)*

---

**Ghi chú:**

(1) Nhà đầu tư cảng hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không lập kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng cảng hàng không.

(2) Tên cảng hàng không được kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng cảng hàng không.

(3) Nêu các văn bản có liên quan đến Kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không.

(4) Phạm vi công trình thuộc kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch: Kế hoạch/Điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo, mở rộng cảng hàng không được lập cho hạng mục công trình hàng không. Giai đoạn của kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch được lập cho giai đoạn 05 năm và không vượt quá giai đoạn quy hoạch cảng hàng không.

**b) Mẫu Quyết định phê duyệt kế hoạch/kế hoạch điều chỉnh đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không**  
**Mẫu số II.03**

**BỘ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-BXD

....., ngày .... tháng .... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch/kế hoạch điều chỉnh đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không<sup>(1)</sup> .....giai đoạn<sup>(2)</sup> .....**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

*Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số...../NĐ-CP ngày .... tháng... năm của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;*

*Căn cứ .....*

*Trên cơ sở đề nghị của .....*

*Xét đề nghị của.....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch/Kế hoạch điều chỉnh đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không<sup>(1)</sup>.....giai đoạn<sup>(2)</sup>.....như Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Cục Hàng không Việt Nam chủ trì, phối hợp hướng dẫn các tổ chức cá nhân liên quan tổ chức quản lý, triển khai thực hiện kế hoạch/kế hoạch điều chỉnh đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. .... có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi nhận:*

- .....

- .....

**BỘ TRƯỞNG**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)*

**Ghi chú:**

(1) Tên cảng hàng không được phê duyệt kế hoạch/kế hoạch điều chỉnh đầu tư xây dựng;

(2) Giai đoạn của kế hoạch tối thiểu 05 năm và không vượt quá giai đoạn tầm nhìn quy hoạch cảng hàng không.

**Phụ lục**  
**DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG .....**  
**GIẢI ĐOẠN.....**  
*(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BXD...)*

Quy hoạch cảng hàng không		Hiện trạng cơ sở hạ tầng chính	Danh mục đầu tư xây dựng	Dự kiến TMĐT	Dự kiến thời gian thực hiện <sup>(3)</sup>
Quyết định <sup>(1)</sup>	Quyết định <sup>(2)</sup>				

**Ghi chú:**

- (1) Quyết định phê duyệt quy hoạch hệ thống cảng hàng không toàn quốc;  
(2) Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết cảng hàng không được phê duyệt kế hoạch đầu tư;  
(3) Thời gian thực hiện phù hợp với giai đoạn của kế hoạch được phê duyệt.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup> ....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đề<sup>(3)</sup> ..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

*Nơi nhận:*

- .....;  
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **2. Chấp thuận đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình trên đất quốc phòng, an ninh**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:**

Nhà đầu tư, doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận việc đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình vào mục đích lưỡng dụng tại cảng hàng không trên đất quốc phòng, an ninh mà không phải chuyển quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất tới Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

#### **b) Giải quyết thủ tục hành chính:**

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Xây dựng có văn bản trả lời, nêu rõ lý do đồng ý hoặc không đồng ý. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định chấp thuận cho nhà đầu tư, doanh nghiệp được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình vào mục đích lưỡng dụng tại cảng hàng không trên đất quốc phòng, an ninh mà không phải chuyển quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất, trường hợp không chấp thuận, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **2.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Công an hoặc Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần:**

- Văn bản đề nghị được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình vào mục đích lưỡng dụng tại cảng hàng không trên đất quốc phòng, an ninh theo Mẫu số I.19 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Hồ sơ thuyết minh đề xuất bao gồm các nội dung: sự cần thiết đầu tư; sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không được phê duyệt; sơ bộ mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư, chi phí đầu tư, thời gian dự kiến thực hiện; phạm vi sử dụng đất quốc phòng, an ninh; giải

pháp bảo đảm các yếu tố về quốc phòng, an ninh trong quá trình đầu tư và phương án khai thác lưỡng dụng.

b) Số lượng: 01 bộ

**2.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn gửi văn bản lấy ý kiến: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời hạn có văn bản trả lời: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

- Thời hạn quyết định chấp thuận đầu tư xây dựng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Xây dựng.

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức

**2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng;

d) Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không.

**2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định chấp thuận cho nhà đầu tư, doanh nghiệp được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình vào mục đích lưỡng dụng tại cảng hàng không trên đất quốc phòng, an ninh mà không phải chuyển quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất;

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**2.8. Phí, lệ phí:** Không

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Văn bản đề nghị được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình vào mục đích lưỡng dụng tại cảng hàng không trên đất quốc phòng, an ninh;

- Quyết định chấp thuận cho nhà đầu tư, doanh nghiệp được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình vào mục đích lưỡng dụng tại cảng hàng không trên đất quốc phòng, an ninh mà không phải chuyển quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất;

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**2.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Yêu cầu

Sau khi hết thời hạn hoạt động của dự án được đầu tư theo hình thức đầu tư kinh doanh bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu có), nhà đầu tư chuyển giao toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hình thành từ dự án cho Nhà nước trên cơ sở tính giá trị bồi hoàn (nếu có) bằng giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư trên sổ

kế toán đã được kiểm toán độc lập tại thời điểm chuyển giao. Việc tổ chức triển khai công tác kiểm toán và chi phí kiểm toán do nhà đầu tư thực hiện và chi trả.

b) Điều kiện

Việc khai thác công trình vào mục đích lưỡng dụng trên đất quốc phòng phải bảo đảm:

- a) Không làm thay đổi chức năng quốc phòng của khu đất, công trình;
- b) Không ảnh hưởng đến nhiệm vụ quân sự và khả năng sẵn sàng chiến đấu;
- c) Không làm lộ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, thông tin về vị trí, kết cấu, năng lực công trình quốc phòng;
- d) Đưa công trình quốc phòng vào sử dụng lưỡng dụng hoặc bãi bỏ sử dụng lưỡng dụng công trình quốc phòng theo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

**2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cất, hạ cánh.

a) Đơn đề nghị đầu tư xây dựng mới/nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác công trình vào mục đích lưỡng dụng tại cảng hàng không trên đất quốc phòng/ an ninh tại Cảng hàng không

**Mẫu số I.19**

TÊN TỔ CHỨC <sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ....

..., ngày .... tháng .... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Đầu tư xây dựng mới/nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác công trình<sup>(2)</sup>  
vào mục đích lưỡng dụng tại cảng hàng không trên đất quốc phòng/  
an ninh tại Cảng hàng không<sup>(3)</sup>....**

Kính gửi: Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày .... tháng ..... năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ <sup>(4)</sup> .....

..... <sup>(1)</sup> đề nghị Bộ Quốc phòng/Bộ Công an chấp thuận việc đầu tư xây dựng mới/nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác công trình<sup>(2)</sup> vào mục đích lưỡng dụng tại cảng hàng không trên đất quốc phòng/an ninh mà không phải chuyển quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng tại cảng hàng không<sup>(3)</sup> ..... với các nội dung chính sau đây:

**I. THÔNG TIN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẦU TƯ**

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Địa chỉ liên lạc: .....

**II. NỘI DUNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỚI/NÂNG CẤP/MỞ RỘNG/BẢO TRÌ/KHAI THÁC CÔNG TRÌNH<sup>(2)</sup> TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG<sup>(3)</sup>....**

1. Tên công trình được đề nghị đầu tư xây dựng mới/nâng cấp/ mở rộng/bảo trì/khai thác<sup>(2)</sup>:

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư:

3. Dự kiến phạm vi sử dụng đất quốc phòng/an ninh:

4. Sơ bộ tổng mức đầu tư:

5. Thời gian thực hiện:

6. Hình thức đầu tư:

**III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM VĂN BẢN**

1. Thuyết minh đề xuất (bao gồm các nội dung chi tiết được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 41 của Nghị định);

2. Các tài liệu khác (nếu có)

.....<sup>(1)</sup> đề nghị Bộ Quốc phòng/Bộ Công an xem xét và chấp thuận đề .....<sup>(1)</sup> thực hiện đầu tư xây dựng mới/nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác công trình<sup>(2)</sup> vào mục đích lưỡng dụng tại cảng hàng không trên đất quốc phòng/an ninh mà không phải chuyển quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng tại cảng hàng không<sup>(3)</sup> .... với các nội dung nêu trên.

*Nơi nhận:*

- ....  
- ....

### **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)*

---

**Ghi chú:**

- (1) Nhà đầu tư, doanh nghiệp.
- (2) Căn cứ vào mục đích mà nhà đầu tư, doanh nghiệp ghi loại hình đầu tư.
- (3) Tên cảng hàng không có công trình trên đất quốc phòng/an ninh được đề nghị đầu tư xây dựng mới/nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác.
- (4) Nếu các văn bản có liên quan đến đầu tư xây dựng mới/nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác công trình trên đất quốc phòng/an ninh.

**b) Mẫu Quyết định chấp thuận đầu tư xây dựng mới/nâng cấp/mở rộng/ bảo trì/khai thác công trình vào mục đích lưỡng dụng tại Cảng hàng không trên đất quốc phòng/an ninh**

**Mẫu số II.15**

**BỘ QUỐC PHÒNG/BỘ CÔNG AN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-.....

....., ngày .... tháng .... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chấp thuận đầu tư xây dựng mới/nâng cấp/mở rộng/  
bảo trì/khai thác<sup>(1)</sup> công trình vào mục đích lưỡng dụng tại  
Cảng hàng không<sup>(2)</sup>..... trên đất quốc phòng/an ninh**

**BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG/BỘ CÔNG AN**

*Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số...../NĐ-CP ngày .... tháng... năm của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;*

*Căn cứ .....*;

*Trên cơ sở đề nghị của<sup>(4)</sup> .....*;

*Xét đề nghị của.....*;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận đầu tư xây dựng mới/nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác<sup>(1)</sup> công trình vào mục đích lưỡng dụng tại Cảng hàng không<sup>(2)</sup>..... trên đất quốc phòng/an ninh với các nội dung như sau:

1. Tên công trình:.....
2. Địa điểm đầu tư:.....
3. Phạm vi sử dụng đất quốc phòng/an ninh:.....
4. Tên nhà đầu tư:.....
5. Mục tiêu, quy mô đầu tư:.....
6. Sơ bộ chi phí đầu tư:.....
7. Thời gian thực hiện đầu tư:.....
8. Các nội dung khác (nếu cần): .....

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Nhà đầu tư và các tổ chức, cơ quan có liên quan triển khai thực hiện đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và nội dung được chấp thuận được quy định tại Điều 1 của Quyết định này,

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. .... có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi nhận:*

- .....
- .....

**BỘ TRƯỞNG**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)*

**Ghi chú:**

- (1) Căn cứ vào hình thức đầu tư do nhà đầu tư, doanh nghiệp đề xuất để ghi loại hình đầu tư cho phù hợp.
- (2) Tên cảng hàng không có công trình trên đất quốc phòng/an ninh được đề nghị đầu tư xây dựng mới/nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup> ....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đề<sup>(3)</sup> ..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

*Nơi nhận:*

- .....

- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

(1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;

(2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;

(3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;

(4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;

(5) Ghi tên thủ tục hành chính;

(6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

### **3. Chấp thuận việc đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình là tài sản công mà không phải chuyển quyền sở hữu tài sản**

#### **3.1. Trình tự thực hiện:**

##### **a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:**

Nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư gửi hồ sơ đến cơ quan chủ sở hữu tài sản công đề nghị chấp thuận việc đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình là tài sản công mà không phải chuyển quyền sở hữu tài sản.

Việc thực hiện tiếp nhận thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Công dịch vụ công quốc gia.

##### **b) Giải quyết thủ tục hành chính:**

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan quản lý tài sản có văn bản chấp thuận cho phép nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư được đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình là tài sản công mà không phải chuyển quyền sở hữu tài sản; trường hợp không chấp thuận, cơ quan chủ sở hữu tài sản công có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

#### **3.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của cơ quan chủ sở hữu tài sản công.

#### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **a) Thành phần:**

- Văn bản đề nghị được đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình là tài sản công theo Mẫu số I.20 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Hồ sơ thuyết minh đề xuất bao gồm các nội dung: sự cần thiết đầu tư; sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không được phê duyệt; sơ bộ mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư, chi phí đầu tư, thời gian dự kiến thực hiện; xác định tài sản công được sử dụng để đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác.

##### **b) Số lượng: 01 bộ**

#### **3.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý tài sản công nhận đủ hồ sơ theo quy định.**

**3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan quản lý tài sản công (các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản công (các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

d) Cơ quan phối hợp: Không

**3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản chấp thuận cho phép nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư được đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình là tài sản công mà không phải chuyển quyền sở hữu tài sản;

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không chấp thuận.

**3.8. Phí, lệ phí:** Không

**3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị được đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình là tài sản công;

- Văn bản chấp thuận cho phép nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư được đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình là tài sản công mà không phải chuyển quyền sở hữu tài sản;

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không chấp thuận.

**3.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Sau khi được giao khai thác, bảo trì tài sản công, trường hợp nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư có nhu cầu chuyển nhượng dự án, thay đổi người khai thác, sử dụng công trình thì phải được cơ quan chủ sở hữu tài sản công chấp thuận theo quy định.

**3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cát, hạ cánh;

a) Mẫu Đơn đề nghị được đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình là tài sản công

Mẫu số I.20

TÊN TỔ CHỨC <sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ....

..., ngày .... tháng .... năm...

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Đầu tư xây dựng nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác công trình<sup>(2)</sup>  
là tài sản công tại Cảng hàng không<sup>(3)</sup>....**

Kính gửi: .....<sup>(4)</sup>

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;  
Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của  
Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ <sup>(4)</sup> .....  
.....<sup>(1)</sup> đề nghị .....<sup>(4)</sup> chấp thuận việc đầu tư xây dựng nâng  
cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác công trình là tài sản công<sup>(2)</sup> tại cảng hàng không<sup>(3)</sup>  
..... với các nội dung chính sau đây:

#### I. THÔNG TIN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

- Tên tổ chức:.....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Địa chỉ liên lạc: .....

#### II. NỘI DUNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÂNG CẤP/MỞ RỘNG/BẢO TRÌ/KHAI THÁC CÔNG TRÌNH<sup>(2)</sup> LÀ TÀI SẢN CÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG<sup>(3)</sup>....

- Tên tài sản công được đề nghị đầu tư xây dựng nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác<sup>(5)</sup>:
- Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư:
- Sơ bộ tổng mức đầu tư:
- Thời gian thực hiện:
- Hình thức đầu tư:

#### III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM VĂN BẢN

- Thuyết minh đề xuất (bao gồm các nội dung chi tiết được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 42 của Nghị định);
- Các tài liệu khác (nếu có)  
.....<sup>(1)</sup> đề nghị .....<sup>(4)</sup> xem xét và chấp thuận để .....  
<sup>(1)</sup> được sử dụng tài sản công<sup>(5)</sup> tại Cảng hàng không .....<sup>(3)</sup> để thực hiện đầu tư xây dựng nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác công trình<sup>(2)</sup> với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- ....  
- .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

---

**Ghi chú:**

- (1) Nhà đầu tư, doanh nghiệp.
- (2) Căn cứ vào mục đích mà nhà đầu tư, doanh nghiệp ghi loại hình đầu tư cho phù hợp.
- (3) Tên cảng hàng không có tài sản công được đề nghị đầu tư xây dựng nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác.
- (4) Tổ chức có thẩm quyền quản lý tài sản công được đề nghị đầu tư xây dựng nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác.
- (5) Tài sản công được đề nghị đầu tư xây dựng nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác.

b) Văn bản chấp thuận đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, bảo trì, khai thác công trình là tài sản công

Mẫu số II.16

TÊN TỔ CHỨC <sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../QĐ-.....

....., ngày .... tháng .... năm ...

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận đầu tư xây dựng nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác công trình<sup>(2)</sup> là tài sản công tại Cảng hàng không<sup>(3)</sup>....

.....<sup>(4)</sup>.....

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;  
Căn cứ Nghị định số...../ND-CP ngày .... tháng... năm của Chính phủ về  
cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ .....

Trên cơ sở đề nghị của<sup>(4)</sup>.....

Xét đề nghị của.....

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chấp thuận đầu tư xây dựng nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác công trình<sup>(2)</sup> là tài sản công tại Cảng hàng không<sup>(3)</sup>.... với các nội dung như sau:

1. Tên tài sản công:.....
2. Địa điểm đầu tư:.....
3. Tên nhà đầu tư:.....
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư:.....
5. Sơ bộ chi phí đầu tư: .....
6. Thời gian thực hiện đầu tư:.....
7. Các nội dung khác (nếu cần): .....

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Nhà đầu tư và các tổ chức, cơ quan có liên quan triển khai thực hiện đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và nội dung được chấp thuận được quy định tại Điều 1 của Quyết định này,

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. .... có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi

**nhận: CHỨC DANH CỦA NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH**

..... (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

#### Ghi chú:

(1) Tổ chức sở hữu tài sản công được đề nghị đầu tư xây dựng nâng cấp/mở rộng/bảo trì/khai thác.

(2) Căn cứ vào hình thức đầu tư do nhà đầu tư, doanh nghiệp đề xuất để ghi loại hình đầu tư cho phù hợp.

(3) Tên cảng hàng không có tài sản công được đề nghị đầu tư xây dựng nâng cấp/mở rộng/bảo

trì/khai thác.

(4) Người đứng đầu của Tổ chức sở hữu tài sản công hoặc Tổ chức sở hữu tài sản công.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup> ....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đề<sup>(3)</sup> ..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

*Nơi nhận:*

- .....;  
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **4. Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không**

### **4.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không đến Cục Hàng không Việt Nam.

#### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện thẩm định hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp cần thiết. Cục Hàng không Việt Nam gửi kết quả thẩm định lấy ý kiến của Bộ Xây dựng về nội dung cấp phép.

Sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo báo cáo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm trả lời về các nội dung có liên quan.

Sau khi nhận được ý kiến của Bộ Xây dựng, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; trường hợp không cấp giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **4.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Cục Hàng không Việt Nam.

### **4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số I.04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định phê duyệt bộ máy tổ chức và chức năng nhiệm vụ của bộ máy tổ chức thể hiện rõ bộ phận quản lý an toàn hàng không, an ninh hàng không và kinh doanh, khai thác cảng hàng không;

- Bản chính hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử) tài liệu chứng minh việc đáp ứng quy định điều kiện kinh doanh tại khoản 1 Điều 46 Nghị định số 205/2026/NĐ-CP. Tài liệu để chứng minh việc đáp ứng quy định về vốn chủ sở hữu tối thiểu theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

#### b) Số lượng: 01 bộ

### **4.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thẩm định, lấy ý kiến: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ

sơ theo quy định;

- Thời hạn trả lời: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến;

- Thời hạn cấp phép: 02 ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của Bộ Xây dựng.

**4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng.

**4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy phép kinh doanh cảng hàng không hoặc

- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**4.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không;

- Giấy phép kinh doanh cảng hàng không;

- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**4.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh cảng hàng không được cấp cho doanh nghiệp để kinh doanh cảng hàng không tại một hoặc nhiều cảng hàng không. Trường hợp doanh nghiệp thay đổi phạm vi kinh doanh tại cảng hàng không thì phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

a) Đáp ứng các điều kiện về vốn để thành lập và duy trì doanh nghiệp cảng hàng không như sau:

- Mức vốn chủ sở hữu tối thiểu: 100 tỷ đồng Việt Nam;

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài chiếm không quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp, trừ trường hợp theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Có bộ máy, nhân sự để tổ chức thực hiện công tác an toàn hàng không, an ninh hàng không và hoạt động kinh doanh cảng hàng không, khai thác cảng hàng không, cụ thể:

- Nhân sự chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm an toàn hàng không đảm bảo có chứng chỉ đã tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện về hệ thống quản lý an toàn hàng không;

- Nhân sự chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm an ninh hàng không theo quy định pháp luật về an ninh hàng không.

**4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cất, hạ cánh;

**a) Mẫu Đơn đề nghị Cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không**

**TÊN DOANH NGHIỆP <sup>(1)</sup>**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày ..... tháng ..... năm ....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
Cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ .....

..... <sup>(1)</sup> đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế):

2. Mã số doanh nghiệp: .....

3. Địa chỉ trụ sở chính: .....

4. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại....., fax.....

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):.....

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật <sup>(2)</sup>:

- Họ và tên: ..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Giới tính:.....;

- Số căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cảng hàng không (đối với cảng hàng không mới xây dựng; văn bản chứng minh chủ sở hữu cảng hàng không hoặc doanh nghiệp được giao, thuê quản lý, khai thác cảng hàng không hoặc được cơ quan có thẩm quyền lựa chọn chủ đầu tư cảng hàng không theo quy định của pháp luật.

9. Nội dung đề nghị: đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; nêu rõ lý do đề nghị cấp lại.

**Nơi nhận:**

- .....
- .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)*

**Ghi chú:**

- (1) Tên doanh nghiệp đề nghị.
- (2) Công dân cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông tin về giới tính, ngày cấp, nơi cấp.

**b) Mẫu Giấy phép kinh doanh cảng hàng không**

BỘ XÂY DỰNG <b>CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM</b> Số: ...../GPKDCHK-CHK	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
<b>GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG</b> Cấp lần <sup>(1)</sup> .....	
<b>TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG:</b> ..... .....	
<b>TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG<sup>(2)</sup>:</b> ..... Chi tiết tại Phụ lục kèm theo (nếu có)	
- Có giá trị từ ngày (Validity from): ..... - Giấy phép này thay thế giấy phép số .... cấp ngày .../.../... <sup>(3)</sup>	<b>CỤC TRƯỞNG</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

### Phụ lục

(Kèm theo Giấy phép kinh doanh cảng hàng không số...../GPKDCHK-CHK  
của Cục Hàng không Việt Nam)

Số lần cấp <sup>(1)</sup>	Số giấy phép	Ngày/tháng/năm cấp <sup>(1)</sup>	Nội dung thay đổi <sup>(4)</sup>
.....	.....	.....	.....

**Ghi chú:**

- (1) Ghi rõ các lần cấp; ngày, tháng, năm của các lần cấp phép;
- (2) Ghi tên các cảng hàng không được cấp phép kinh doanh;
- (3) Ghi rõ các nội dung thay đổi so với lần cấp gần nhất;
- (4) Ghi nội dung này đối với trường hợp cấp lại.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup>....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup>..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **5. Cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không**

### **5.1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Cục Hàng không Việt Nam nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam đánh giá nội dung hồ sơ thay đổi và cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; trường hợp không cấp giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Hàng không Việt Nam nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; trường hợp không cấp giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **5.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Cục Hàng không Việt Nam.

### **5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số I.04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử các tài liệu chứng minh về việc thay đổi nội dung giấy phép (nếu có).

b) Số lượng: 01 bộ

### **5.4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: 05 ngày làm việc kể từ ngày Cục Hàng không Việt Nam nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Hàng không Việt Nam nhận đủ hồ sơ theo quy định.

### **5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức**

### **5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: Không

**5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy phép kinh doanh cảng hàng không hoặc
- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**5.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không;
- Giấy phép kinh doanh cảng hàng không;
- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**5.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh cảng hàng không được cấp cho doanh nghiệp để kinh doanh cảng hàng không tại một hoặc nhiều cảng hàng không. Trường hợp doanh nghiệp thay đổi phạm vi kinh doanh tại cảng hàng không thì phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

a) Đáp ứng các điều kiện về vốn để thành lập và duy trì doanh nghiệp cảng hàng không như sau:

- Mức vốn chủ sở hữu tối thiểu: 100 tỷ đồng Việt Nam;
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài chiếm không quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp, trừ trường hợp theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Có bộ máy, nhân sự để tổ chức thực hiện công tác an toàn hàng không, an ninh hàng không và hoạt động kinh doanh cảng hàng không, khai thác cảng hàng không, cụ thể:

- Nhân sự chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm an toàn hàng không đảm bảo có chứng chỉ đã tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện về hệ thống quản lý an toàn hàng không;

- Nhân sự chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm an ninh hàng không theo quy định pháp luật về an ninh hàng không.

**5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cất, hạ cánh;

**a) Mẫu Đơn đề nghị Cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không**

TÊN DOANH NGHIỆP <sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ .....

..... <sup>(1)</sup> đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế):

2. Mã số doanh nghiệp: .....

3. Địa chỉ trụ sở chính: .....

4. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại....., fax.....

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):.....

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật <sup>(2)</sup>:

- Họ và tên: ..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Giới tính:.....;

- Số căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cảng hàng không (đối với cảng hàng không mới xây dựng; văn bản chứng minh chủ sở hữu cảng hàng không hoặc doanh nghiệp được giao, thuê quản lý, khai thác cảng hàng không hoặc được cơ quan có thẩm quyền lựa chọn chủ đầu tư cảng hàng không theo quy định của pháp luật.

9. Nội dung đề nghị: đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; nêu rõ lý do đề nghị cấp lại.

**Nơi nhận:**

- .....
- .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Tên doanh nghiệp đề nghị.
- (2) Công dân cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông tin về giới tính, ngày cấp, nơi cấp.

**b) Mẫu Giấy phép kinh doanh cảng hàng không**

BỘ XÂY DỰNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM Số: ...../GPKDCHK-CHK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
<b>GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG</b> Cấp lần <sup>(1)</sup> .....	
<b>TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG:</b> ..... .....	
<b>TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG<sup>(2)</sup>:</b> ..... Chi tiết tại Phụ lục kèm theo (nếu có)	
- Có giá trị từ ngày (Validity from): ..... - Giấy phép này thay thế giấy phép số .... cấp ngày .../.../... <sup>(3)</sup>	<b>CỤC TRƯỞNG</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Phụ lục**

(Kèm theo Giấy phép kinh doanh cảng hàng không số...../GPKDCHK-CHK của Cục Hàng không Việt Nam)

Số lần cấp <sup>(1)</sup>	Số giấy phép	Ngày/tháng/năm cấp <sup>(1)</sup>	Nội dung thay đổi <sup>(4)</sup>
.....	.....	.....	.....

**Ghi chú:**

- (1) Ghi rõ các lần cấp; ngày, tháng, năm của các lần cấp phép;
- (2) Ghi tên các cảng hàng không được cấp phép kinh doanh;
- (3) Ghi rõ các nội dung thay đổi so với lần cấp gần nhất;
- (4) Ghi nội dung này đối với trường hợp cấp lại.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup>....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đễ<sup>(3)</sup> ..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **6. Cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không**

### **6.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không phải gửi hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam.

#### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính gửi thông báo thu phí đến người nộp hồ sơ, việc nộp phí được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính gửi thông báo nộp phí. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính từ chối giải quyết thủ tục hành chính và thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do. Thời gian thực hiện việc nộp phí của doanh nghiệp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ hoàn thành nghĩa vụ nộp phí theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu cần thiết), thẩm định và cấp giấy phép hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp cần thiết. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung của doanh nghiệp, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không; trường hợp không cấp giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **6.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Cục Hàng không Việt Nam.

### **6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số I.05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Bản chính hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử) tài liệu chứng minh việc đáp ứng quy định điều kiện kinh doanh tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 205/2026/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 52 Nghị định số 205/2026/NĐ-CP; tài liệu để chứng minh việc đáp ứng quy định về vốn chủ sở hữu tối thiểu theo quy định tại Điều 5

Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử tài liệu giải trình về tổ chức, bộ máy của doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 52 của Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

b) Số lượng: 01 bộ

**6.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thông báo nộp phí: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời hạn cấp giấy phép trong trường hợp không phải bổ sung hồ sơ: 09 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ hoàn thành nghĩa vụ nộp phí theo quy định.

- Thời hạn cấp giấy phép trong trường hợp yêu cầu bổ sung:

+ Thời hạn yêu cầu bổ sung hồ sơ: 09 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ hoàn thành nghĩa vụ nộp phí theo quy định;

+ Thời hạn cấp giấy phép: 03 ngày sau khi nhận được hồ sơ bổ sung của doanh nghiệp

**6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: Không

**6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không hoặc

- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**6.8. Phí, lệ phí:**

- Cung cấp dịch vụ tại Cảng hàng không quốc tế: 50.000.000 VNĐ/lần cấp

- Cung cấp dịch vụ tại Cảng hàng không khác: 30.000.000 VNĐ/lần cấp

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục VI Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

**6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ tại cảng hàng không;

- Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không;

- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**6.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Doanh nghiệp thực hiện kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Điều kiện về tổ chức bộ máy nhân lực:

a) Có nhân viên hàng không được đào tạo, huấn luyện, cấp chứng chỉ phù

hợp theo quy định, đáp ứng yêu cầu về kinh doanh dịch vụ tại cảng hàng không;

b) Có nhân sự chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm an toàn hàng không, có chứng chỉ đã tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện về hệ thống quản lý an toàn hàng không và có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm về công tác bảo đảm an toàn hàng không;

c) Có nhân sự chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm an ninh hàng không theo quy định pháp luật về an ninh hàng không.

2. Điều kiện về trang bị, thiết bị, cơ sở hạ tầng và hệ thống tài liệu bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, cụ thể:

a) Sở hữu hoặc có phương án về cơ sở hạ tầng, phương tiện, trang bị, thiết bị đảm bảo việc kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không;

b) Có hệ thống tài liệu bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Hệ thống tài liệu bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường bao gồm:

a) Tài liệu về hệ thống quản lý an toàn;

b) Phương án ứng phó khẩn nguy phù hợp với kế hoạch ứng phó khẩn nguy của người khai thác cảng hàng không;

c) Quy định an toàn đối với người, phương tiện, thiết bị hoạt động tại sân bay;

d) Phương án, quy trình phòng, chống dịch bệnh theo quy định của pháp luật về phòng bệnh, phù hợp với phương án, quy trình phòng bệnh của người khai thác cảng hàng không;

đ) Chương trình an ninh hàng không được phê duyệt theo quy định của pháp luật về an ninh hàng không;

e) Quy trình, hướng dẫn thực hiện cung cấp dịch vụ hàng không trực tiếp tại cảng hàng không bao gồm phương án xử lý các tình huống bất thường;

g) Phương án dự phòng về người và phương tiện, trang thiết bị, bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, không làm gián đoạn đến hoạt động hàng không;

h) Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và hồ sơ bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật liên quan.

4. Điều kiện về vốn:

a) Mức vốn chủ sở hữu tối thiểu đối với kinh doanh dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, kinh doanh dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa, kinh doanh dịch vụ xăng dầu hàng không: 30 tỷ đồng Việt Nam;

b) Tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga, kho hàng hóa, dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất chiếm không quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp, trừ trường hợp theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Trường hợp doanh nghiệp cảng hàng không kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không thì không áp dụng quy định tại điểm a Mục 4.

#### **6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cát, hạ cánh;

Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

**a) Mẫu Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không**

TÊN DOANH NGHIỆP <sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh**  
**dịch vụ hàng không tại cảng hàng không**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ .....

.....<sup>(1)</sup> đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không<sup>(2)</sup> .....

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế):.....

2. Mã số doanh nghiệp:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

4. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại....., fax.....

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):.....

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên: ..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Giới tính:.....;

- Số căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Nội dung đề nghị <sup>(3)</sup>:.....

Nơi

**nhận: ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

- ..... (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp  
- ..... lệ theo quy định pháp luật)

Ghi chú:

- (1) Ghi tên doanh nghiệp đề nghị;
- (2) Ghi tên cảng hàng không kinh doanh dịch vụ;
- (3) Ghi rõ nội dung đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại từng cảng hàng không gồm: lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng không; mô tả chi tiết phạm vi kinh doanh đối với từng lĩnh vực kinh doanh; nêu rõ lý do đề nghị cấp lại.

**b) Mẫu Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không**

BỘ XÂY DỰNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../GPKDDV-CHK	
<b>GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG</b> Cấp lần <sup>(1)</sup> :.....	
<b>TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG:</b> ..... .....	
<b>CẢNG HÀNG KHÔNG NƠI KINH DOANH DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG<sup>(2)</sup>:</b> ..... .....	
<b>LĨNH VỰC KINH DOANH DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG:</b> <sup>(3)</sup> ..... .....	
Chi tiết tại Phụ lục kèm theo (nếu có) <sup>(4)</sup>	
- Có giá trị từ ngày (Validity from): ..... - Giấy phép này thay thế giấy phép số .... cấp ngày .../.../... <sup>(5)</sup>	<b>CỤC TRƯỞNG</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Phụ lục**

(Kèm theo Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không số...../GPKDDV-CHK của Cục Hàng không Việt Nam)

**I. Phạm vi kinh doanh đối với từng lĩnh vực kinh doanh dịch vụ<sup>(4)</sup>:**

.....

**II. Lịch sử quá trình cấp, cấp lại giấy phép:**

Số lần cấp <sup>(1)</sup>	Số giấy phép	Ngày/tháng/năm cấp <sup>(1)</sup>	Tên cảng hàng không <sup>(2)</sup>	Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ <sup>(3)</sup>	Nội dung thay đổi <sup>(6)</sup>
.....	.....	.....	.....	.....	.....

**Ghi chú:**

- (1) Ghi rõ các lần cấp; ngày, tháng, năm của các lần cấp phép;
- (2) Ghi rõ tên cảng hàng không nơi kinh doanh dịch vụ;
- (3) Ghi rõ lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng không;
- (4) Ghi rõ các nội dung gồm: phạm vi kinh doanh đối với từng lĩnh vực kinh doanh tại từng cảng hàng không nơi kinh doanh dịch vụ; trường hợp công trình kinh doanh dịch vụ hàng không nằm ngoài cảng hàng không thì ghi rõ địa chỉ của công trình;
- (5) Ghi nội dung này đối với trường hợp cấp lại;
- (6) Ghi rõ các nội dung thay đổi so với lần cấp gần nhất.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup> ....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup>..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **7. Cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không**

### **7.1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:**

Doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không phải gửi hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam. Việc thực hiện tiếp nhận thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Công dịch vụ công quốc gia.

#### **b) Giải quyết thủ tục hành chính:**

Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính gửi thông báo thu phí đến người nộp hồ sơ, việc nộp phí được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính gửi thông báo nộp phí. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính từ chối giải quyết thủ tục hành chính và thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do. Thời gian thực hiện việc nộp phí của doanh nghiệp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Đối với việc giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung liên quan đến bổ sung phạm vi kinh doanh hoặc loại hình kinh doanh dịch vụ tại một hoặc nhiều cảng hàng không, thực hiện theo thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không được quy định tại Điều 53 Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung khác của giấy phép trừ trường hợp cấp lại do thay đổi nội dung liên quan đến bổ sung phạm vi kinh doanh hoặc loại hình kinh doanh dịch vụ tại một hoặc nhiều cảng hàng không: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ hoàn thành nghĩa vụ nộp phí theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện thẩm định hồ sơ, cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không, trường hợp không cấp lại giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **7.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Cục Hàng không Việt Nam.

### **7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần:**

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số I.05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử các tài liệu có liên quan đến việc thay đổi nội dung giấy phép (nếu có).

b) Số lượng: 01 bộ

#### **7.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thông báo nộp phí: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Đối với việc giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung liên quan đến bổ sung phạm vi kinh doanh hoặc loại hình kinh doanh dịch vụ tại một hoặc nhiều cảng hàng không: 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung khác: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

#### **7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

#### **7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: Không

#### **7.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không;

- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

#### **7.8. Phí, lệ phí:**

- Cung cấp dịch vụ tại Cảng hàng không quốc tế: 50.000.000 VNĐ/lần cấp

- Cung cấp dịch vụ tại Cảng hàng không khác: 30.000.000 VNĐ/lần cấp

- Cấp lại do mất, rách, hỏng: 5.000.000 VNĐ/lần cấp

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục VI Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

#### **7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ tại cảng hàng không;

- Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không;

- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

#### **7.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Doanh nghiệp thực hiện kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Điều kiện về tổ chức bộ máy nhân lực:

a) Có nhân viên hàng không được đào tạo, huấn luyện, cấp chứng chỉ phù hợp theo quy định, đáp ứng yêu cầu về kinh doanh dịch vụ tại cảng hàng không;

b) Có nhân sự chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm an toàn hàng không,

có chứng chỉ đã tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện về hệ thống quản lý an toàn hàng không và có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm về công tác bảo đảm an toàn hàng không;

c) Có nhân sự chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm an ninh hàng không theo quy định pháp luật về an ninh hàng không.

2. Điều kiện về trang bị, thiết bị, cơ sở hạ tầng và hệ thống tài liệu bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, cụ thể:

a) Sở hữu hoặc có phương án về cơ sở hạ tầng, phương tiện, trang bị, thiết bị đảm bảo việc kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không;

b) Có hệ thống tài liệu bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Hệ thống tài liệu bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường bao gồm:

a) Tài liệu về hệ thống quản lý an toàn;

b) Phương án ứng phó khẩn nguy phù hợp với kế hoạch ứng phó khẩn nguy của người khai thác cảng hàng không;

c) Quy định an toàn đối với người, phương tiện, thiết bị hoạt động tại sân bay;

d) Phương án, quy trình phòng, chống dịch bệnh theo quy định của pháp luật về phòng bệnh, phù hợp với phương án, quy trình phòng bệnh của người khai thác cảng hàng không;

đ) Chương trình an ninh hàng không được phê duyệt theo quy định của pháp luật về an ninh hàng không;

e) Quy trình, hướng dẫn thực hiện cung cấp dịch vụ hàng không trực tiếp tại cảng hàng không bao gồm phương án xử lý các tình huống bất thường;

g) Phương án dự phòng về người và phương tiện, trang thiết bị, bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, không làm gián đoạn đến hoạt động hàng không;

h) Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và hồ sơ bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật liên quan.

4. Điều kiện về vốn:

a) Mức vốn chủ sở hữu tối thiểu đối với kinh doanh dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, kinh doanh dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa, kinh doanh dịch vụ xăng dầu hàng không: 30 tỷ đồng Việt Nam;

b) Tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga, kho hàng hóa, dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất chiếm không quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp, trừ trường hợp theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Trường hợp doanh nghiệp cảng hàng không kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không thì không áp dụng quy định tại điểm a Mục 4

#### **7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cất, hạ cánh;

Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

**a) Mẫu Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không**

TÊN DOANH NGHIỆP <sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh**  
**dịch vụ hàng không tại cảng hàng không**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ .....

.....<sup>(1)</sup> đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không<sup>(2)</sup> .....

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế):.....

2. Mã số doanh nghiệp:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

4. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại....., fax.....

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):.....

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên: ..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Giới tính:.....;

- Số căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...):.....

8. Nội dung đề nghị <sup>(3)</sup>:.....

**Nơi nhận:**

- .....

- .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

(1) Ghi tên doanh nghiệp đề nghị;

(2) Ghi tên cảng hàng không kinh doanh dịch vụ;

(3) Ghi rõ nội dung đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại từng cảng hàng không gồm: lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng không; mô tả chi tiết phạm vi kinh doanh đối với từng lĩnh vực kinh doanh; nêu rõ lý do đề nghị cấp lại.

**b) Mẫu Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không**

BỘ XÂY DỰNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../GPKDDV-CHK	
<b>GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG</b> Cấp lần <sup>(1)</sup> :.....	
<b>TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG:</b> ..... .....	
<b>CẢNG HÀNG KHÔNG NƠI KINH DOANH DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG<sup>(2)</sup>:</b> ..... .....	
<b>LĨNH VỰC KINH DOANH DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG:</b> <sup>(3)</sup> ..... .....	
Chi tiết tại Phụ lục kèm theo (nếu có) <sup>(4)</sup>	
- Có giá trị từ ngày (Validity from): ..... - Giấy phép này thay thế giấy phép số .... cấp ngày .../.../... <sup>(5)</sup>	<b>CỤC TRƯỞNG</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Phụ lục**

(Kèm theo Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không số...../GPKDDV-CHK của Cục Hàng không Việt Nam)

**I. Phạm vi kinh doanh đối với từng lĩnh vực kinh doanh dịch vụ<sup>(4)</sup>:**

.....

**II. Lịch sử quá trình cấp, cấp lại giấy phép:**

Số lần cấp <sup>(1)</sup>	Số giấy phép	Ngày/tháng/năm cấp <sup>(1)</sup>	Tên cảng hàng không <sup>(2)</sup>	Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ <sup>(3)</sup>	Nội dung thay đổi <sup>(6)</sup>
.....	.....	.....	.....	.....	.....

**Ghi chú:**

- (1) Ghi rõ các lần cấp; ngày, tháng, năm của các lần cấp phép;
- (2) Ghi rõ tên cảng hàng không nơi kinh doanh dịch vụ;
- (3) Ghi rõ lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng không;
- (4) Ghi rõ các nội dung gồm: phạm vi kinh doanh đối với từng lĩnh vực kinh doanh tại từng cảng hàng không nơi kinh doanh dịch vụ; trường hợp công trình kinh doanh dịch vụ hàng không nằm ngoài cảng hàng không thì ghi rõ địa chỉ của công trình;
- (5) Ghi nội dung này đối với trường hợp cấp lại;
- (6) Ghi rõ các nội dung thay đổi so với lần cấp gần nhất.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup>....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup>..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **8. Cấp Giấy chứng nhận cảng hàng không hoặc Giấy chứng nhận bãi cát, hạ cánh**

### **8.1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:**

Tổ chức quản lý, khai thác cảng hàng không hoặc bãi cát, hạ cánh gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cảng hàng không hoặc Giấy chứng nhận bãi cát, hạ cánh cho một cảng hàng không hoặc một bãi cát, hạ cánh đến Cục Hàng không Việt Nam.

#### **b) Giải quyết thủ tục hành chính:**

Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính gửi thông báo thu phí đến người nộp hồ sơ, việc nộp phí được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính gửi thông báo nộp phí. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính từ chối giải quyết thủ tục hành chính và thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do. Thời gian thực hiện việc nộp phí của doanh nghiệp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày người nộp hồ sơ hoàn thành nghĩa vụ nộp phí theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện thẩm định hồ sơ hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp cần thiết và kiểm tra các điều kiện thực tế của sân bay hoặc bãi cát, hạ cánh. Cục Hàng không Việt Nam gửi Bộ Xây dựng kết quả thẩm định để lấy ý kiến về nội dung cấp Giấy chứng nhận cảng hàng không.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo báo cáo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm trả lời các nội dung có liên quan về cấp Giấy chứng nhận cảng hàng không.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Xây dựng đối với nội dung cấp Giấy chứng nhận cảng hàng không, Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cảng hàng không; riêng đối với Giấy chứng nhận bãi cát, hạ cánh Cục Hàng không Việt Nam cấp sau khi đủ điều kiện theo khoản 4 Điều 63 Nghị định số 205/2026/NĐ-CP; trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận, Cục Hàng không Việt Nam thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **8.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc

qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Cục Hàng không Việt Nam.

### **8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

\* Đối với cảng hàng không

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cảng hàng không hoặc Giấy chứng nhận bãi cát, hạ cánh theo Mẫu số I.06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản chứng minh việc tổ chức được giao hoặc thuê quản lý, khai thác cảng hàng không hoặc bãi cát, hạ cánh (nếu có);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử thỏa thuận với doanh nghiệp cảng hàng không về việc tổ chức khai thác cảng hàng không trong trường hợp được giao hoặc thuê quản lý khai thác (nếu có);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào khai thác và bản sao văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử tài liệu chứng minh yêu cầu về nhân lực, phương tiện, thiết bị;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử dự thảo tài liệu khai thác sân bay hoặc dự thảo tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Chương trình an ninh hàng không hoặc phương án bảo đảm an ninh được phê duyệt theo quy định của pháp luật về an ninh hàng không;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử các tài liệu chứng minh cảng hàng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thiết lập và công bố vùng trời, đường hàng không và phương thức bay phục vụ khai thác sân bay theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bay;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử quyết định phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng (nếu có);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử quyết định đưa nhà ga hành khách vào khai thác (nếu có);

- Bản sao hoặc bản sao văn bản thống nhất về yêu cầu đảm bảo an toàn hàng hải, an toàn đường thủy nội địa đối với cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh trên mặt nước (nếu có).

\* Đối với cảng hàng không chuyên dùng, bãi cát, hạ cánh

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cảng hàng không hoặc Giấy chứng nhận bãi cát, hạ cánh theo Mẫu số I.06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản chứng minh việc tổ chức được giao hoặc thuê quản lý, khai thác cảng hàng không hoặc bãi cát, hạ cánh (nếu có);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử tài liệu chứng minh yêu cầu về nhân lực, phương tiện, thiết bị;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử dự thảo tài liệu khai thác sân bay hoặc dự thảo

tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Chương trình an ninh hàng không hoặc phương án bảo đảm an ninh được phê duyệt theo quy định của pháp luật về an ninh hàng không;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử các tài liệu chứng minh cảng hàng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thiết lập và công bố vùng trời, đường hàng không và phương thức bay phục vụ khai thác sân bay theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bay;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử quyết định phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng (nếu có);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử quyết định đưa nhà ga hành khách vào khai thác (nếu có);

- Bản sao hoặc bản sao văn bản thống nhất về yêu cầu đảm bảo an toàn hàng hải, an toàn đường thủy nội địa đối với cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh trên mặt nước (nếu có).

b) Số lượng: 01 bộ

#### **8.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thông báo nộp phí: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời hạn thẩm định, lấy ý kiến: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời hạn trả lời: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến;

- Thời hạn cấp phép: 03 ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của Bộ Xây dựng.

**8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng

**8.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận cảng hàng không/Giấy chứng nhận bãi cát, hạ cánh;

- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

- Quyết định phê duyệt tài liệu khai thác sân bay hoặc tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh.

**8.8. Phí, lệ phí:**

- Cảng hàng không quốc tế: 110.000.000 VNĐ/lần cấp

- Cảng hàng không khác: 40.000.000 VNĐ/lần cấp

- Cảng hàng không chuyên dùng: 15.000.000 VNĐ/lần cấp

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục VI Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08

tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

**8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không/Giấy chứng nhận bãi cất, hạ cánh;
- Giấy chứng nhận cảng hàng không/Giấy chứng nhận bãi cất, hạ cánh;
- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính;
- Quyết định phê duyệt tài liệu khai thác sân bay hoặc tài liệu khai thác bãi cất, hạ cánh.

**8.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Không

**8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cất, hạ cánh;

Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

**a) Mẫu Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh**

TÊN DOANH NGHIỆP <sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..., ngày ..... tháng ..... năm ....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ .....

..... <sup>(1)</sup> đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh đối với <sup>(2)</sup> .....

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại..... Fax.....

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật <sup>(3)</sup>:

- Họ và tên: ..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Quốc tịch: ..... Giới tính:.....

- Số căn cước công dân /Số định danh cá nhân/Hộ chiếu: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị:..... <sup>(4)</sup>

**Nơi nhận:**

- .....

- .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

(1) Ghi tên tổ chức đề nghị;

(2) Ghi tên cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh;

(3) Công dân Việt Nam cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông tin quốc tịch, giới tính, ngày cấp, nơi cấp;

(4) Ghi rõ vị trí của cảng hàng không hoặc bãi cất, hạ cánh; tọa độ điểm quy chiếu sân bay theo hệ tọa độ WGS – 84 (Ví dụ: Tiếng Anh: 16°24'02,46"N, 107°42'08,98"E; tiếng Việt: 16°24'02,46"B, 107°42'08,98"Đ); cấp sân bay; mục đích khai thác; nêu rõ lý do đề nghị cấp lại.

**b) Mẫu Giấy chứng nhận cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh**

<p style="text-align: center;"><b>BỘ XÂY DỰNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM MINISTRY OF CONSTRUCTION CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM</b></p> <p style="text-align: center;">Số/Nº:        /GCNCHK-CHK</p>	<p style="text-align: center;"><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness</b></p>
<p><b>GIẤY CHỨNG NHẬN CẢNG HÀNG KHÔNG/BÃI CẤT, HẠ CÁNH AERODROME CERTIFICATE</b></p> <p>Cấp lần thứ<sup>(1)</sup>: .....</p> <p>Issue: .....</p>	
<p><b>CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CHỨNG NHẬN DIRECTOR GENERAL OF CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM CERTIFIES THAT</b></p>	
<p><b>TÊN, ĐỊA ĐIỂM CẢNG HÀNG KHÔNG/BÃI CẤT, HẠ CÁNH: NAME, LOCATION OF AERODROME:</b></p> <p>- Tên cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh <sup>(2)</sup>: .....</p> <p>- Name of aerodrome: .....</p> <p>- Địa điểm<sup>(3)</sup>: .....</p> <p>- Location: .....</p>	
<p><b>TỌA ĐỘ ĐIỂM QUY CHIỀU SÂN BAY/BÃI CẤT, HẠ CÁNH<sup>(4)</sup>: AERODROME REFERENCE POINT: .....</b></p>	
<p><b>TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG/BÃI CẤT, HẠ CÁNH NAME ADDRESS OF AERODROME OPERATOR</b></p> <p>- Tên người khai thác<sup>(5)</sup>: .....</p> <p>- Name of aerodrome operator: .....</p> <p>- Địa chỉ<sup>(6)</sup>: .....</p> <p>- Address: .....</p>	
<p><b>MỤC ĐÍCH KHAI THÁC<sup>(7)</sup>: .....</b></p> <p><b>PURPOSE OF OPERATION: .....</b></p>	
<p><b>CẤP SÂN BAY/BÃI CẤT, HẠ CÁNH<sup>(8)</sup>: .....</b></p> <p><b>AERODROME REFERENCE CODE: .....</b></p> <p><b>Kèm theo Phụ lục Attachment</b></p>	
<p>- Có giá trị từ ngày (Validity from): .....</p> <p>- Giấy chứng nhận này thay thế giấy chứng nhận số .... cấp ngày .../.../...<sup>(10)</sup></p>	<p><b>CỤC TRƯỞNG DIRECTOR GENERAL</b></p> <p>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)</p> <p>(Signature, seal, and full name or a valid electronic signature in accordance with the provisions of law)</p>

**Phụ lục**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN CẢNG HÀNG KHÔNG/BÃI CÁT, HẠ CÁNH**  
*(Kèm theo Giấy chứng nhận cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh số.....*  
*của Cục Hàng không Việt Nam)*

**I. Các thông tin chính của sân bay/bãi cát, hạ cánh**

1. Loại tàu bay khai thác (critical aircrafts type):

.....  
 2. Các điều kiện khai thác của sân bay/bãi cát, hạ cánh đáp ứng loại tàu bay khai thác (the operational conditions for the accommodation of critical aircrafts for which the facility is provided)<sup>(9)</sup>:

.....  
 3. Cấp cứu hỏa sân bay/bãi cát, hạ cánh (RFF category):

.....  
 4. Các miễn trừ, hạn chế khai thác của sân bay/bãi cát, hạ cánh (the operational restrictions at the aerodrome, the authorized deviations related to aerodrome compatibility, their inherent operational conditions/restrictions and validity):

**II. Lịch sử quá trình cấp, cấp lại giấy chứng nhận**

Số lần cấp <sup>(1)</sup>	Số giấy chứng nhận	Ngày/tháng/năm cấp <sup>(1)</sup>	Tên cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh <sup>(2)</sup>	Nội dung thay đổi <sup>(11)</sup>
.....	.....	.....	.....	.....

**Ghi chú:**

- (1) Ghi rõ các lần cấp; ngày, tháng, năm của các lần cấp;
- (2) Ghi rõ tên cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh;
- (3) Ghi địa điểm cảng hàng không theo địa giới hành chính;
- (4) Ghi rõ toạ độ điểm quy chiếu sân bay theo hệ toạ độ WGS – 84 (Ví dụ: Tiếng Anh: 16°24'02,46"N, 107°42'08,98"E; tiếng Việt: 16°24'02,46"B, 107°42'08,98"Đ);
- (5) Ghi tên người khai thác cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh;
- (6) Ghi địa chỉ của người cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh theo địa giới hành chính;
- (7) Ghi rõ mục đích khai thác (dân dụng; quân sự; dùng chung dân dụng và quân sự....);
- (8) Ghi rõ cấp sân bay/bãi cát, hạ cánh theo ICAO;
- (9) Ghi rõ các nội dung: thời gian khai thác; tên, kích thước, sức chịu tải đường cất hạ cánh; loại đèn tiếp cận; các hạn chế khai thác (nếu có);
- (10) Ghi nội dung này đối với trường hợp cấp lại;
- (11) Ghi rõ các nội dung thay đổi so với lần cấp gần nhất.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup>....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup>..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

***d) Mẫu Quyết định phê duyệt Tài liệu khai thác sân bay/Tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh/phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác sân bay/tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh***

BỘ XÂY DỰNG  
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-CHK

....., ngày .... tháng .... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Tài liệu khai thác sân bay/Tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh/phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác sân bay/tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh**

**CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

*Căn cứ*

*Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;*

*Xét đề nghị của Phòng .....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Tài liệu khai thác sân bay/Tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh/phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác sân bay/tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh của<sup>(1)</sup> .....(tài liệu kèm theo)

**Điều 2.** .....<sup>(2)</sup> có trách nhiệm:.....

**Điều 3.** Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam có trách nhiệm thông báo tin tức hàng không theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày<sup>(3)</sup> .....

**Điều 5.** Các ông/bà ....., Giám đốc Cảng vụ hàng không ....., Trưởng phòng ..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi*

-

- .....

*nhận:* CỤC

.....;

TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

***Ghi chú:***

(1) Ghi tên cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh;

(2) Ghi tên tổ chức khai thác cảng hàng không hoặc tổ chức khai thác bãi cát, hạ cánh;

(3) Ghi ngày hiệu lực của quyết định.

## **9. Cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không hoặc Giấy chứng nhận bãi cất, hạ cánh**

### **9.1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:**

Người khai thác cảng hàng không hoặc người khai thác bãi cất, hạ cánh gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không hoặc Giấy chứng nhận bãi cất, hạ cánh đến Cục Hàng không Việt Nam. Việc thực hiện tiếp nhận thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia.

#### **b) Giải quyết thủ tục hành chính:**

Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính gửi thông báo thu phí đến người nộp hồ sơ, việc nộp phí được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính gửi thông báo nộp phí. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính từ chối giải quyết thủ tục hành chính và thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do. Thời gian thực hiện việc nộp phí của doanh nghiệp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Đối với Giấy chứng nhận cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người nộp hồ sơ hoàn thành nghĩa vụ nộp phí theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện thẩm định hồ sơ, kiểm tra các điều kiện thực tế của sân bay hoặc bãi cất, hạ cánh theo các nội dung sửa đổi, bổ sung của tài liệu khai thác (nếu cần thiết), cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không hoặc Giấy chứng nhận bãi cất, hạ cánh, trường hợp từ chối cấp lại giấy chứng nhận, Cục Hàng không Việt Nam thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Đối với giấy chứng nhận cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định cấp lại giấy chứng nhận; trường hợp từ chối cấp lại giấy chứng nhận, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **9.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Cục Hàng không Việt Nam.

### **9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

## a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không hoặc Giấy chứng nhận bãi cát, hạ cánh theo Mẫu số I.06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay hoặc tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh (nếu có);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cảng hàng không hoặc Giấy chứng nhận bãi cát, hạ cánh (nếu có).

## b) Số lượng: 01 bộ

**9.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thông báo nộp phí: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Đối với Giấy chứng nhận cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người nộp hồ sơ hoàn thành nghĩa vụ nộp phí theo quy định.

- Đối với giấy chứng nhận cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân**9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: không có;

**9.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận cảng hàng không/Giấy chứng nhận bãi cát, hạ cánh;

- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

- Quyết định phê duyệt tài liệu khai thác sân bay hoặc tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh.

**9.8. Phí, lệ phí:**

- Cảng hàng không quốc tế: 70.000.000 VNĐ/lần cấp

- Cảng hàng không khác: 30.000.000 VNĐ/lần cấp

- Cảng hàng không chuyên dùng: 5.000.000 VNĐ/lần cấp

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục VI Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

**9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không/Giấy chứng nhận bãi cát, hạ cánh;

- Giấy chứng nhận cảng hàng không/Giấy chứng nhận bãi cát, hạ cánh;

- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

- Quyết định phê duyệt tài liệu khai thác sân bay hoặc tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh.

**9.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Không

**9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cát, hạ cánh;

Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

**a) Mẫu Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh**

TÊN DOANH NGHIỆP <sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..., ngày ..... tháng ..... năm ....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ .....

..... <sup>(1)</sup> đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh đối với <sup>(2)</sup> .....

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại.....Fax.....

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật <sup>(3)</sup>:

- Họ và tên: ..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Quốc tịch: ..... Giới tính:.....

- Số căn cước công dân /Số định danh cá nhân/Hộ chiếu: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị:..... <sup>(4)</sup>

Nơi

**nhận: ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

- ..... (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

- .....

**Ghi chú:**

(1) Ghi tên tổ chức đề nghị;

(2) Ghi tên cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh;

(3) Công dân Việt Nam cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông tin quốc tịch, giới tính, ngày cấp, nơi cấp;

(4) Ghi rõ vị trí của cảng hàng không hoặc bãi cất, hạ cánh; tọa độ điểm quy chiếu sân bay theo hệ tọa độ WGS – 84 (Ví dụ: Tiếng Anh: 16°24'02,46"N, 107°42'08,98"E; tiếng Việt: 16°24'02,46"B, 107°42'08,98"Đ); cấp sân bay; mục đích khai thác; nêu rõ lý do đề nghị cấp lại.

**b) Mẫu Giấy chứng nhận cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh**

<p style="text-align: center;">BỘ XÂY DỰNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM MINISTRY OF CONSTRUCTION CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM</p> <p>Số/Nº:        /GCNCHK-CHK</p>	<p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness</p>
<p style="text-align: center;"><b>GIẤY CHỨNG NHẬN CẢNG HÀNG KHÔNG/BÃI CÁT, HẠ CÁNH</b> <b>AERODROME CERTIFICATE</b></p> <p style="text-align: center;">Cấp lần thứ<sup>(1)</sup>: .....</p> <p style="text-align: center;">Issue: .....</p>	
<p style="text-align: center;"><b>CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CHỨNG NHẬN</b> <b>DIRECTOR GENERAL OF CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM CERTIFIES</b> <b>THAT</b></p>	
<p><b>TÊN, ĐỊA ĐIỂM CẢNG HÀNG KHÔNG/BÃI CÁT, HẠ CÁNH:</b> <b>NAME, LOCATION OF AERODROME:</b></p> <p>- Tên cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh<sup>(2)</sup>: .....</p> <p>- Name of aerodrome: .....</p> <p>- Địa điểm<sup>(3)</sup>: .....</p> <p>- Location: .....</p>	
<p><b>TỌA ĐỘ ĐIỂM QUY CHIỀU SÂN BAY/BÃI CÁT, HẠ CÁNH<sup>(4)</sup>:</b> .....</p> <p><b>AERODROME REFERENCE POINT:</b> .....</p>	
<p><b>TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG/BÃI CÁT, HẠ CÁNH</b> <b>NAME ADDRESS OF AERODROME OPERATOR</b></p> <p>- Tên người khai thác<sup>(5)</sup>: .....</p> <p>- Name of aerodrome operator: .....</p> <p>- Địa chỉ<sup>(6)</sup>: .....</p> <p>- Address: .....</p>	
<p><b>MỤC ĐÍCH KHAI THÁC<sup>(7)</sup>:</b> .....</p> <p><b>PURPOSE OF OPERATION:</b> .....</p>	
<p><b>CẤP SÂN BAY/BÃI CÁT, HẠ CÁNH<sup>(8)</sup>:</b>.....</p> <p><b>AERODROME REFERENCE CODE:</b> .....</p> <p><b>Kèm theo Phụ lục</b> <b>Attachment</b></p>	
<p>- Có giá trị từ ngày (Validity from): .....</p> <p>- Giấy chứng nhận này thay thế giấy chứng nhận số .... cấp ngày .../.../...<sup>(10)</sup></p>	<p style="text-align: center;"><b>CỤC TRƯỞNG</b> <b>DIRECTOR GENERAL</b></p> <p style="text-align: center;">(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)</p> <p style="text-align: center;">(Signature, seal, and full name or a valid electronic signature in accordance with the provisions of law)</p>

**Phụ lục**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN CẢNG HÀNG KHÔNG/BÃI CÁT, HẠ CÁNH**  
*(Kèm theo Giấy chứng nhận cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh số.....*  
*của Cục Hàng không Việt Nam)*

**I. Các thông tin chính của sân bay/bãi cát, hạ cánh**

1. Loại tàu bay khai thác (critical aircrafts type):

.....  
 ....

2. Các điều kiện khai thác của sân bay/bãi cát, hạ cánh đáp ứng loại tàu bay khai thác (the operational conditions for the accommodation of critical aircrafts for which the facility is provided)<sup>(9)</sup>:

.....  
 ....

3. Cấp cứu hỏa sân bay/bãi cát, hạ cánh (RFF category):

.....  
 ....

4. Các miễn trừ, hạn chế khai thác của sân bay/bãi cát, hạ cánh (the operational restrictions at the aerodrome, the authorized deviations related to aerodrome compatibility, their inherent operational conditions/restrictions and validity):

.....  
 ....

**II. Lịch sử quá trình cấp, cấp lại giấy chứng nhận**

Số lần cấp <sup>(1)</sup>	Số giấy chứng nhận	Ngày/tháng/năm cấp <sup>(1)</sup>	Tên cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh <sup>(2)</sup>	Nội dung thay đổi <sup>(11)</sup>
.....	.....	.....	.....	.....

**Ghi chú:**

- (1) Ghi rõ các lần cấp; ngày, tháng, năm của các lần cấp;
- (2) Ghi rõ tên cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh;
- (3) Ghi địa điểm cảng hàng không theo địa giới hành chính;
- (4) Ghi rõ tọa độ điểm quy chiếu sân bay theo hệ tọa độ WGS – 84 (Ví dụ: Tiếng Anh: 16°24'02,46"N, 107°42'08,98"E; tiếng Việt: 16°24'02,46"B, 107°42'08,98"Đ);
- (5) Ghi tên người khai thác cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh;
- (6) Ghi địa chỉ của người cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh theo địa giới hành chính;
- (7) Ghi rõ mục đích khai thác (dân dụng; quân sự; dùng chung dân dụng và quân sự....);
- (8) Ghi rõ cấp sân bay/bãi cát, hạ cánh theo ICAO;
- (9) Ghi rõ các nội dung: thời gian khai thác; tên, kích thước, sức chịu tải đường cất hạ cánh; loại đèn tiếp cận; các hạn chế khai thác (nếu có);
- (10) Ghi nội dung này đối với trường hợp cấp lại;
- (11) Ghi rõ các nội dung thay đổi so với lần cấp gần nhất.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: ...../.....  
V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup>  
..... kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup>.....;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp  
thuận...; <sup>(5)</sup>....., cụ thể như sau:.....  
6) ..........<sup>(1)</sup> thông báo để<sup>(3)</sup> ..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....;  
- .....**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **10. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay hoặc tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh**

### **10.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác cảng hàng không, người khai thác bãi cát, hạ cánh gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay hoặc tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh đến Cục Hàng không Việt Nam.

#### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện thẩm định hồ sơ và kiểm tra các điều kiện thực tế của sân bay hoặc bãi cát, hạ cánh theo các nội dung sửa đổi, bổ sung của tài liệu khai thác (nếu cần thiết), quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp cần thiết. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay hoặc tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh, trường hợp từ chối phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **10.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Cục Hàng không Việt Nam.

### **10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần:

- Bản chính hoặc Biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị theo Mẫu số I.07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung.

#### b) Số lượng: 01 bộ

### **10.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn cấp giấy phép trong trường hợp không phải bổ sung hồ sơ: 06 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ theo quy định;
- Thời hạn cấp giấy phép trong trường hợp yêu cầu bổ sung: 02 ngày sau

khi nhận được hồ sơ bổ sung của doanh nghiệp

**10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam
- d) Cơ quan phối hợp: không có;

**10.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay hoặc tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh;
- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**10.8. Phí, lệ phí:**

Không.

**10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Văn bản đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác sân bay/bãi cát, hạ cánh;
- Quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay hoặc tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh;
- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**10.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Không

**10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cát, hạ cánh;

**a) Mẫu Văn bản đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác sân bay/bãi cát, hạ cánh**

**TÊN DOANH NGHIỆP<sup>(1)</sup>**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

V/v đề nghị phê duyệt sửa đổi,  
bổ sung Tài liệu khai thác sân  
bay/bãi cát, hạ cánh ....<sup>(2)</sup>

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng ....năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;

Căn cứ .....

.....<sup>(1)</sup> đề nghị Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay/bãi cát, hạ cánh Cảng hàng không<sup>(2)</sup>..... với các nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung đề nghị<sup>(3)</sup>: .....
2. Thời gian hiệu lực của các thông tin đề nghị sửa đổi, bổ sung<sup>(4)</sup>: .....

**Nơi nhận:**

- .....

- .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ  
theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên doanh nghiệp đề nghị;
- (2) Ghi tên cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh;
- (3) Ghi nội dung thể hiện các danh mục đánh giá, các nội dung thay đổi bao gồm: nội dung đã được phê duyệt; nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung; hồ sơ chứng minh sự thay đổi (nếu có);
- (4) Áp dụng đối với các thông tin cần phải phát hành thông báo tin tức hàng không.

***b) Mẫu Quyết định phê duyệt Tài liệu khai thác sân bay/Tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh/phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác sân bay/tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh***

BỘ XÂY DỰNG  
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-CHK

....., ngày .... tháng .... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Tài liệu khai thác sân bay/Tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh/phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác sân bay/tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh**

**CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

*Căn cứ*

*Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;*

*Xét đề nghị của Phòng .....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Tài liệu khai thác sân bay/Tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh/phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác sân bay/tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh của<sup>(1)</sup> .....(tài liệu kèm theo)

**Điều 2.** .....<sup>(2)</sup> có trách nhiệm:.....

**Điều 3.** Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam có trách nhiệm thông báo tin tức hàng không theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày<sup>(3)</sup> .....

**Điều 5.** Các ông/bà ....., Giám đốc Cảng vụ hàng không ....., Trưởng phòng ..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi*

**nhận: CỤC**

**TRƯỞNG**

-  
- .....

.....; (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

(1) Ghi tên cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh;

(2) Ghi tên tổ chức khai thác cảng hàng không hoặc tổ chức khai thác bãi cát, hạ cánh;

(3) Ghi ngày hiệu lực của quyết định.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup>....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đễ<sup>(3)</sup> ..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **11. Chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế**

### **11.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác cảng hàng không gửi hồ sơ đề nghị chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế đến Bộ Xây dựng.

#### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Xây dựng gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Y tế. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Xây dựng, các bộ ngành có văn bản trả lời, trường hợp không thống nhất phải nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thống nhất của các bộ, ngành, Bộ Xây dựng ban hành quyết định chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế; trường hợp không chấp thuận phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **11.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Xây dựng.

### **11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần:

- Bản chính hoặc Biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị theo Mẫu số I.08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản giải trình, chứng minh về việc đủ điều kiện chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

#### b) Số lượng: 01 bộ

### **11.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn gửi văn bản lấy ý kiến: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời hạn quyết định chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thống nhất của các bộ, ngành

### **11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân**

### **11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

#### a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng

d) Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Y tế;

**11.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế

- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**11.8. Phí, lệ phí:**

Không.

**11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không/Giấy chứng nhận bãi cất, hạ cánh;

- Quyết định chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế

- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**11.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cảng hàng không nội địa được chuyển thành cảng hàng không quốc tế khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phù hợp với quy hoạch hệ thống cảng hàng không toàn quốc;

- Có cơ sở hạ tầng, nguồn lực đảm bảo quy trình phục vụ chuyển bay quốc tế;

- Cảng hàng không đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn vùng trời, đường bay và phương thức bay phục vụ khai thác các chuyến bay quốc tế.

b) Sau khi được Bộ Xây dựng quyết định chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế, doanh nghiệp cảng hàng không thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; người khai thác cảng hàng không thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cảng hàng không; Cục Hàng không Việt Nam triển khai thông báo tin tức hàng không theo quy định.

**11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cất, hạ cánh;

**a) Mẫu Văn bản đề nghị chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế**

**TÊN DOANH NGHIỆP<sup>(1)</sup>**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

V/v đề nghị chuyển cảng hàng  
không nội địa thành cảng hàng  
không quốc tế ....<sup>(2)</sup>

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: Bộ Xây dựng.

Căn cứ

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ .....

.....<sup>(1)</sup> đề nghị Bộ Xây dựng chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế với các thông tin cụ thể như sau:

1. Tên cảng hàng không<sup>(2)</sup>: .....
2. Địa điểm<sup>(3)</sup>: .....
3. Tọa độ điểm quy chiếu sân bay<sup>(4)</sup>: .....
4. Năng lực khai thác<sup>(5)</sup>: .....
5. Cấp sân bay<sup>(6)</sup>: .....
6. Mục đích khai thác<sup>(7)</sup>: .....
7. Thời gian đề nghị chuyển thành cảng hàng không quốc tế:.....  
.....<sup>(1)</sup> kính đề nghị Bộ Xây dựng xem xét quyết định.

**Nơi nhận:**

- .....

- .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên doanh nghiệp đề nghị;
- (2) Ghi tên cảng hàng không;
- (3) Ghi địa điểm cảng hàng không theo địa giới hành chính;
- (4) Ghi tọa độ điểm quy chiếu sân bay theo hệ tọa độ WGS - 84 (Ví dụ: Tiếng Anh: 16°24'02,46"N, 107°42'08,98"E; tiếng Việt: 16°24'02,46"B, 107°42'08,98"Đ);
- (5) Ghi kích thước đường CHC (dài x rộng); loại tàu bay khai thác, sức chịu tải đường cất hạ cánh;
- (6) Ghi cấp sân bay theo ICAO;
- (7) Ghi rõ hoạt động khai thác (dân dụng; quân sự; dùng chung dân dụng và quân sự v.v.).

**b) Mẫu Quyết định về việc công bố chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế**

**BỘ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-BXD

....., ngày .... tháng .... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố chuyển Cảng hàng không<sup>(1)</sup> ..... thành  
Cảng hàng không quốc tế<sup>(1)</sup>...**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

*Căn cứ*

*Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;*

*Trên cơ sở đề nghị của Cảng hàng không.....;*

*Xét đề nghị của.....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố chuyển Cảng hàng không<sup>(1)</sup>.....thành Cảng hàng không quốc tế<sup>(1)</sup> .....với những nội chính như sau:

1. Tên cảng hàng không<sup>(1)</sup>: .....
2. Địa điểm<sup>(2)</sup>: .....
3. Tọa độ điểm quy chiếu sân bay<sup>(3)</sup>: .....
4. Năng lực khai thác<sup>(4)</sup>: .....
5. Cấp sân bay<sup>(5)</sup>: .....
6. Mục đích khai thác<sup>(6)</sup>: .....
7. Thời gian chuyển thành cảng hàng không quốc tế:.....

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .....

**Điều 3.** Cảng hàng không ...có trách nhiệm:

.....

**Điều 4.** Các ông/bà ..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi nhận:*

- .....;  
- .....

**BỘ TRƯỞNG**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ  
theo quy định pháp luật)*

**Ghi chú:**

(1) Ghi tên cảng hàng không;

(2) Ghi địa điểm cảng hàng không theo địa giới hành chính;

(3) Ghi tọa độ điểm quy chiếu sân bay theo hệ tọa độ WGS - 84 (Ví dụ: Tiếng Anh: 16°24'02,46"N, 107°42'08,98"E; tiếng Việt: 16°24'02,46"B, 107°42'08,98"Đ);

- (4) Ghi kích thước đường CHC (dài x rộng); loại tàu bay khai thác, sức chịu tải đường cất hạ cánh;
- (5) Ghi cấp sân bay theo ICAO;
- (6) Ghi rõ hoạt động khai thác (dân dụng; quân sự; dùng chung dân dụng và quân sự).

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup> ....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup>..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **12. Đưa công trình, một phần công trình vào khai thác**

### **12.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác công trình nộp hồ sơ đề nghị đưa công trình, một phần công trình vào khai thác đến Cục Hàng không Việt Nam.

#### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần thiết), quyết định đưa công trình, một phần công trình vào khai thác, phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay (nếu có), quyết định phê duyệt tài liệu khai thác công trình hoặc phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình (nếu có) hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp cần thiết. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung của người khai thác công trình (nếu có), trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định đưa công trình, một phần công trình vào khai thác, phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay (nếu có), quyết định phê duyệt tài liệu khai thác công trình hoặc phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình (nếu có), trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

Sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **12.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Cục Hàng không Việt Nam.

### **12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần:

- Bản chính hoặc Biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị theo Mẫu số I.09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng và bản sao văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Dự thảo tài liệu khai thác công trình hoặc tài liệu khai thác sân bay; nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu kèm theo tài liệu chứng minh (nếu có);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hồ sơ quản lý sự thay đổi theo quy định của hệ thống quản lý an toàn (nếu có)

#### b) Số lượng: 01 bộ

**12.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế trong trường hợp không phải bổ sung hồ sơ: 08 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ theo quy định.
- Trong trường hợp yêu cầu bổ sung:
  - + Thời hạn yêu cầu bổ sung hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ theo quy định;
  - + Thời hạn quyết định đưa công trình, một phần công trình vào khai thác: 03 ngày sau khi nhận được hồ sơ bổ sung của doanh nghiệp

**12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức****12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam
- d) Cơ quan phối hợp: không có;

**12.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định đưa công trình, một phần công trình vào khai thác;
- Quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay (nếu có);
- Quyết định phê duyệt tài liệu khai thác công trình hoặc phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình (nếu có);
- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**12.8. Phí, lệ phí: Không.****12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Văn bản đề nghị đưa công trình, một phần công trình vào khai thác;
- Quyết định đưa công trình, một phần công trình vào khai thác;
- Quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay (nếu có);
- Quyết định phê duyệt tài liệu khai thác công trình hoặc phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình (nếu có);
- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**12.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Công trình được đưa vào khai thác phải đảm bảo đủ yêu cầu an ninh, an toàn và tiêu chuẩn khai thác theo quy định

**12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cát, hạ cánh;

**a) Mẫu Văn bản đề nghị đưa công trình, một phần công trình vào khai thác**

TÊN DOANH NGHIỆP<sup>(1)</sup>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

V/v đề nghị đưa công trình, một phần công trình<sup>(2)</sup> ... tại Cảng hàng không<sup>(3)</sup>.....vào khai thác.

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ .....

.....<sup>(1)</sup> đề nghị Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận đưa công trình, một phần công trình<sup>(2)</sup> ... tại Cảng hàng không<sup>(3)</sup> ....vào khai thác với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên công trình/một phần công trình<sup>(2)</sup>: .....
2. Tính chất sử dụng<sup>(4)</sup>: .....(nếu có)
3. Vị trí công trình/một phần công trình đưa vào sử dụng<sup>(5)</sup>: .....
4. Thời gian đưa vào khai thác, sử dụng.....
5. Công suất<sup>(6)</sup>:..... (nếu có)
6. Quy mô, thông số kỹ thuật chính của công trình/một phần công trình đưa vào khai thác<sup>(7)</sup>: .....
7. Tuổi thọ công trình đối với công trình xây dựng mới.....
8. Nội dung khác (nếu có):.....  
.....<sup>(1)</sup> đề nghị Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định.

**Nơi nhận:**

-.....;

- .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên doanh nghiệp đề nghị;
- (2) Ghi đầy đủ tên công trình theo dự án được duyệt;
- (3) Ghi tên cảng hàng không nơi công trình/hạng mục công trình được đưa vào khai thác;
- (4) Ghi nội dung mô tả công năng, mục đích sử dụng của công trình;
- (5) Ghi nội dung mô tả vị trí của công trình/hạng mục công trình so với các công trình/hạng mục công trình lân cận;
- (6) Chỉ ghi nội dung này đối với công trình nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, suất ăn hàng không;
- (7) Ghi các thông số kỹ thuật của công trình/hạng mục công trình: đối với công trình trong sân bay ghi các thông số theo quy định; đối với các công trình khác ghi thông số về diện tích xây dựng, chiều cao công trình, số tầng (nếu có) và mô tả hệ thống trang thiết bị kỹ thuật kèm theo (nếu có).

**b) Mẫu Quyết định việc đưa công trình, một phần công trình vào khai thác**

BỘ XÂY DỰNG  
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-CHK

....., ngày .... tháng .... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc đưa công trình/một phần công trình<sup>(2)</sup> .....  
tại Cảng hàng không<sup>(1)</sup> .....vào khai thác**

**CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

*Căn cứ*

*Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;*

*Xét đề nghị của Phòng .....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đưa công trình/một phần công trình tại Cảng hàng không<sup>(1)</sup> .....vào khai thác với các nội dung sau:

1. Tên công trình/một phần công trình<sup>(2)</sup>: .....
2. Tính chất sử dụng<sup>(3)</sup>: .....(nếu có)
3. Vị trí công trình/một phần công trình đưa vào sử dụng<sup>(4)</sup>: .....
4. Thời gian đưa vào khai thác, sử dụng.....
5. Công suất<sup>(5)</sup>:..... (nếu có)
6. Quy mô, thông số kỹ thuật chính của công trình/một phần công trình đưa vào khai thác<sup>(6)</sup>: .....
7. Tuổi thọ công trình.....
8. Nội dung khác (nếu có):.....

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

**Điều 3.** Người khai thác công trình/một phần công trình<sup>(7)</sup> .... có trách nhiệm: .....

**Điều 4.** Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam có trách nhiệm .....

**Điều 5.** Cảng vụ hàng không<sup>(8)</sup>.... có trách nhiệm.....

**Điều 6.** Các ông/bà .....và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi*

**nhận: CỤC**

**TRƯỞNG**

-  
- .....

.....; (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cảng hàng không nơi công trình/hạng mục công trình được đưa vào khai thác;
- (2) Ghi đầy đủ tên công trình theo dự án được duyệt;
- (3) Ghi nội dung mô tả công năng, mục đích sử dụng của công trình;
- (4) Ghi nội dung mô tả vị trí của công trình/hạng mục công trình so với các công trình/hạng mục công trình lân cận;

- (5) Chỉ ghi nội dung này đối với công trình nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, suất ăn hàng không;
- (6) Ghi các thông số kỹ thuật của công trình/hạng mục công trình: đối với công trình trong sân bay ghi các thông số theo quy định; đối với các công trình khác ghi thông số về diện tích xây dựng, chiều cao công trình, số tầng (nếu có) và mô tả hệ thống trang thiết bị kỹ thuật kèm theo (nếu có);
- (7) Ghi tên người khai thác công trình/một phần công trình;
- (8) Ghi tên cảng vụ hàng không khu vực;
- Chỉ ghi nội dung Điều 4 khi có quy định của pháp luật về thông báo tin tức hàng không đối với công trình đưa vào khai thác

c) **Mẫu Quyết định phê duyệt Tài liệu khai thác sân bay/Tài liệu khai thác bãi cất, hạ cánh/phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay/tài liệu khai thác bãi cất, hạ cánh.**

BỘ XÂY DỰNG  
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-CHK

....., ngày .... tháng .... năm ...

### QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Tài liệu khai thác sân bay/Tài liệu khai thác bãi cất, hạ cánh/phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác sân bay/tài liệu khai thác bãi cất, hạ cánh**

#### CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

*Căn cứ*

*Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;*

*Xét đề nghị của Phòng .....*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Tài liệu khai thác sân bay/Tài liệu khai thác bãi cất, hạ cánh/phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác sân bay/tài liệu khai thác bãi cất, hạ cánh của<sup>(1)</sup> .....(tài liệu kèm theo)

**Điều 2.** .....<sup>(2)</sup> có trách nhiệm:.....

**Điều 3.** Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam có trách nhiệm thông báo tin tức hàng không theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày<sup>(3)</sup> .....

**Điều 5.** Các ông/bà ....., Giám đốc Cảng vụ hàng không ....., Trưởng phòng ..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi*

**nhận: CỤC**

**TRƯỞNG**

-

.....; (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

- .....

#### **Ghi chú:**

(1) Ghi tên cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh;

(2) Ghi tên tổ chức khai thác cảng hàng không hoặc tổ chức khai thác bãi cất, hạ cánh;

(3) Ghi ngày hiệu lực của quyết định.

**d) Mẫu văn bản trả lời****Mẫu số II.14****CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup>....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đễ<sup>(3)</sup> ..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

### **13. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình**

#### **13.1. Trình tự thực hiện:**

##### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác công trình gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình đến Cục Hàng không Việt Nam. Việc thực hiện tiếp nhận thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Công dịch vụ công quốc gia.

##### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện thẩm định hồ sơ và kiểm tra các điều kiện thực tế của công trình (nếu cần thiết), quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp cần thiết. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình, trường hợp từ chối phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

#### **13.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Xây dựng.

#### **13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### a) Thành phần:

- Bản chính hoặc Biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị phê duyệt theo Mẫu số I.10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung

##### b) Số lượng: 01 bộ

#### **13.4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

#### **13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.**

#### **13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

##### a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: không có;

**13.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình;
- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**13.8. Phí, lệ phí:**

Không.

**13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Văn bản đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình;
- Quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình;
- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**13.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khi có các nội dung cập nhật vào trang tu chính theo quy định, định kỳ vào quý IV hàng năm người khai thác công trình đề nghị sửa đổi tổng thể tài liệu khai thác công trình theo quy định.

**13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cát, hạ cánh;

**a) Mẫu Văn bản đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình**  
**TÊN DOANH NGHIỆP<sup>(1)</sup> CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

V/v đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung  
 tài liệu khai thác công trình<sup>(2)</sup> .....tại  
 Cảng hàng không<sup>(3)</sup>....

..., ngày ..... tháng ..... năm ....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của  
 Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ .....

.....<sup>(1)</sup> đề nghị Cục Hàng không Việt Nam xem xét phê duyệt  
 sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình<sup>(2)</sup> .....tại Cảng hàng không<sup>(3)</sup>... với  
 nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Tài liệu khai thác công trình<sup>(2)</sup>:.....

2. Cảng hàng không<sup>(3)</sup>:.....

3. Nội dung sửa đổi, bổ sung<sup>(4)</sup>:.....

.....<sup>(1)</sup> đề nghị Cục Hàng không Việt Nam xem xét, phê duyệt  
 sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình<sup>(2)</sup> .....tại Cảng hàng không<sup>(3)</sup>.....  
 thuộc<sup>(1)</sup>.....theo quy định.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

-.....;

-.....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo  
 quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

(1) Ghi tên Người khai thác công trình.

(2) Ghi tên của công trình;

(3) Ghi tên cảng hàng không nơi có công trình;

(4) Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung so với Tài liệu khai thác công trình đã được phê duyệt

**b) Mẫu Quyết định phê duyệt Tài liệu khai thác công trình/phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác công trình**

BỘ XÂY DỰNG  
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../QĐ-CHK

....., ngày .... tháng .... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Tài liệu khai thác công trình/phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác công trình<sup>(1)</sup> ... tại<sup>(2)</sup> ....**

**CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

*Căn cứ*

*Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;*

*Xét đề nghị của Phòng .....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt tài liệu khai thác công trình/phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình<sup>(1)</sup> .....tại<sup>(2)</sup> .....

**Điều 2.** .....<sup>(3)</sup> có trách nhiệm:

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày<sup>(4)</sup> ....

**Điều 4.** Các ông/bà ....., ..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi

**nhận: CỤC**

**TRƯỞNG**

-

.....; (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử

- .....

hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

(1) Ghi đầy đủ tên công trình theo dự án được duyệt;

(2) Ghi tên cảng hàng không nơi có công trình;

(3) Ghi tên người khai thác công trình;

(4) Ghi ngày hiệu lực của quyết định.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup>....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup>..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **14. Chấp thuận phương án, điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công**

### **14.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ đầu tư dự án hoặc người khai thác công trình gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án, điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công đến Cục Hàng không Việt Nam hoặc Cảng vụ hàng không. Cục Hàng không Việt Nam. Việc thực hiện tiếp nhận thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Công dịch vụ công quốc gia.

#### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về an ninh hàng không tại cảng hàng không thực hiện thẩm định, ban hành văn bản chấp thuận hoặc chấp thuận điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công, bao gồm nội dung quyết định dừng khai thác có thời hạn đối với cảng hàng không hoặc công trình hoặc một phần công trình (nếu có), trường hợp từ chối chấp thuận phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị.

Sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **14.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Cục Hàng không Việt Nam hoặc Cảng vụ hàng không.

### **14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần:

\* Trường hợp chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công

- Bản chính hoặc Biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị chấp thuận hoặc chấp thuận điều chỉnh theo Mẫu số I.11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử các tài liệu có liên quan trong trường hợp chấp thuận phương án, bao gồm: quyết định phê duyệt dự án theo quy định pháp luật về xây dựng; tài liệu chứng minh sự phù hợp với quy hoạch chi tiết cảng hàng không trong trường hợp xây mới, mở rộng, chuyển đổi mục đích sử dụng công

trình; văn bản chấp thuận, thoả thuận về phương án phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật; nội dung đề nghị dừng khai thác có thời hạn đối với cảng hàng không hoặc công trình hoặc một phần công trình (nếu có); văn bản thoả thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công tại cảng hàng không với cơ quan an ninh hàng không và các cơ quan, đơn vị khác liên quan;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hồ sơ đánh giá sự thay đổi, nhận dạng các mối nguy ảnh hưởng đến an toàn khai thác trong quá trình thi công, các giải pháp giảm thiểu mối nguy theo quy định về quản lý an toàn;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử các tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh trong trường hợp chấp thuận điều chỉnh phương án (nếu có).

\* Trường hợp điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công do thay đổi thời gian thi công

- Bản chính hoặc Biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị chấp thuận điều chỉnh theo Mẫu số I.11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP trong đó nêu rõ lý do thay đổi thời gian thi công;

- Văn bản thoả thuận điều chỉnh thời gian thi công tại phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công tại cảng hàng không với cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Số lượng: 01 bộ

#### **14.4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

#### **14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức**

#### **14.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam hoặc Cảng vụ hàng không

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: không có;

#### **14.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản chấp thuận hoặc chấp thuận điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công hoặc;

- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

#### **14.8. Phí, lệ phí:**

Không.

#### **14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Văn bản đề nghị chấp thuận phương án, điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công.

- Văn bản chấp thuận hoặc chấp thuận điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công hoặc;

- Văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

#### **14.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công đối với các trường hợp sau:

- Làm ảnh hưởng đến an ninh, an toàn khai thác tại sân bay;
- Làm ảnh hưởng đến phương án khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay;
- Làm thay đổi mặt bằng nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa trong tài liệu khai thác công trình được duyệt nhưng không làm giảm chỉ tiêu diện tích mặt bằng phục vụ hành khách, hàng hoá đã được phê duyệt trong tài liệu khai thác công trình;
- Dừng khai thác có thời hạn cảng hàng không;
- Dừng khai thác có thời hạn công trình, một phần công trình tại cảng hàng không.

\* Cảng vụ hàng không chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công đối với các trường hợp sau:

- Thi công trong nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa phù hợp với tài liệu khai thác công trình đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt;
- Thi công trong thời gian giãn cách giữa các chuyến bay;
- Phương án thi công không làm thay đổi phương án khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay và phương án khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay.

#### **14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cất, hạ cánh;

**a) Mẫu Văn bản đề nghị chấp thuận phương án/điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công tại Cảng hàng không**

TÊN DOANH NGHIỆP<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

V/v đề nghị chấp thuận phương án/điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công tại Cảng hàng không<sup>(2)</sup>....

..., ngày ..... tháng ..... năm ....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam hoặc Cảng vụ hàng không miền<sup>(3)</sup>....

Căn cứ

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ .....

.....<sup>(1)</sup> đề nghị Cục Hàng không Việt Nam/Cảng vụ hàng không miền<sup>(3)</sup>..... chấp thuận phương án/điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công công trình<sup>(4)</sup>.....tại cảng hàng không<sup>(2)</sup>..... với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin công trình/hạng mục công trình thi công: .....
  2. Vị trí khu vực thi công: .....
  3. Thời gian thi công dự kiến: .....
  4. Chủ đầu tư: .....
  5. Đơn vị thi công: .....
  6. Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động thi công đến an ninh, an toàn hàng không: .....
  7. Tóm tắt biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công công trình:.....
  8. Nội dung khác (nếu có):.....
- .....<sup>(1)</sup> đề nghị Cục Hàng không Việt Nam hoặc Cảng vụ hàng không miền<sup>(3)</sup>.....xem xét, chấp thuận theo quy định.

Nơi

nhận:ĐẠI

DIỆN

TỔ

CHỨC

-

..... (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

- .....

**Ghi chú:**

- (1) Ghi rõ tên doanh nghiệp đề nghị;
- (2) Ghi rõ tên cảng hàng không;
- (3) Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền;
- (4) Ghi rõ tên công trình/hạng mục công trình

***b) Mẫu Văn bản chấp thuận/chấp thuận điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công***

**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM/  
CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN<sup>(1)</sup>.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày ..... tháng ..... năm ....

V/v chấp thuận phương án/điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công tại Cảng hàng không<sup>(2)</sup>....

**Kính gửi:**

- Tên chủ đầu tư dự án hoặc người khai thác công trình;
- Cảng hàng không<sup>(2)</sup>.....;
- Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;
- Cảng vụ hàng không miền<sup>(1)</sup>.....

.....

***Căn cứ***

*Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;*

Xét đề nghị của chủ đầu tư dự án hoặc người khai thác công trình tại văn bản số...ngày....của Công ty<sup>(3)</sup>.....về việc đề nghị chấp thuận phương án/điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công tại Cảng hàng không<sup>(2)</sup>.....và hồ sơ kèm theo:

.....

Cục Hàng không Việt Nam/Cảng vụ hàng không miền<sup>(1)</sup> .... có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận phương án/điều chỉnh phương án đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công..... tại cảng hàng không<sup>(2)</sup>..... cụ thể như sau:

.....

.....

2. Chủ đầu tư dự án hoặc người khai thác cảng hoặc người khai thác công trình có trách nhiệm:.....

.....

3. Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam có trách nhiệm.....

4. Cảng vụ hàng không miền<sup>(1)</sup>..... có trách nhiệm<sup>(4)</sup>.....

Cục Hàng không Việt Nam/Cảng vụ hàng không miền<sup>(1)</sup>.....thông báo để các cơ quan, đơn vị biết và triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- .....

- .....

**CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)*

***Ghi chú:***

(1) Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền;

(2) Ghi rõ tên cảng hàng không;

- (3) Ghi tên chủ đầu tư dự án hoặc người khai thác công trình;
- (4) Chỉ áp dụng trong trường hợp thủ tục hành chính do Cục Hàng không Việt Nam là cơ quan giải quyết.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup> ....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup>..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

**Phụ lục III****NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÙNG TRỜI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**1. Phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh****1.1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh đến Bộ Quốc phòng.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trường hợp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Quốc phòng có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Bộ Quốc phòng gửi văn bản lấy ý kiến thống nhất của Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Quốc phòng.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng ra quyết định phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh; trường hợp không chấp thuận, Bộ Quốc phòng phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

**1.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Quốc phòng.

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh theo Mẫu số I.01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử thuyết minh xác định vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh;

- Bản vẽ vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh tỷ lệ 1/2.000.

b) Số lượng: 01 bộ

**1.4. Thời hạn giải quyết:**

+ Trường hợp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

+ Thời gian gửi lấy ý kiến: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

+ Thời gian đóng góp ý kiến: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng.

+ Thời gian ra quyết định phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Quốc phòng;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Quốc phòng;

d) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không, Bộ Xây dựng, Bộ Công an

**1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh;

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**1.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh;

- Quyết định phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh;

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Không

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cất, hạ cánh;

**a) Mẫu đơn đề nghị Phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh**

**Mẫu số I.01**

**TÊN TỔ CHỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ....

..., ngày .... tháng .... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh**

Kính gửi: Bộ Quốc phòng.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;

(Tên tổ chức) đề nghị Bộ Quốc phòng phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh với các nội dung sau:

1. Căn cứ pháp lý, sự cần thiết, cơ sở hình thành
2. Yêu cầu về hoạt động của cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.
3. Loại hình, vai trò, vị trí, quy mô.
4. Dự báo các đường bay dự kiến khai thác; nhu cầu sử dụng đất, mặt nước; ước toán chi phí đầu tư.
5. Các bản vẽ vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh tỷ lệ 1/2000.

*(Kèm theo thuyết minh, bản vẽ vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh)*

(Tên tổ chức) đề nghị Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh với các nội dung nêu trên.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)*

**b) Mẫu Quyết định phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh**

**Mẫu số II.01**

**BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-...

....., ngày .... tháng .... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh**

**BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG**

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số.../ND-CP ngày .... tháng... năm của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;*

*Căn cứ .....*;

*Căn cứ .....*;

*Xét đề nghị của.....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh với các nội dung sau:

1. Loại hình: .....

2. Vai trò.....

3. Vị trí.....

4. Quy mô.....

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. .... có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi nhận:*

- .....

- .....

**BỘ TRƯỞNG**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)*

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup>....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup>..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **2. Phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh đến Bộ Tổng tham mưu.

#### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Tổng tham mưu có văn bản lấy ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh về thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tổng tham mưu có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng tham mưu, các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng tham mưu.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến thống nhất của các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh, Tổng tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh; trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng tham mưu phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **2.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Quốc phòng.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần:

- Đơn đề nghị phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh theo Mẫu số I.02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử thuyết minh, bản vẽ thiết kế cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh.

#### b) Số lượng: 01 bộ

### **2.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời gian lấy ý kiến: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời gian gửi văn bản trả lời: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng tham mưu.

- Thời gian quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được

văn bản ý kiến thống nhất của các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tổng tham mưu;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tổng tham mưu;
- d) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không, các Bộ, Ngành liên quan

**2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh;
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**2.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh;
- Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh;
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**2.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Không

**2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cất, hạ cánh;

**a) Mẫu Đơn đề nghị phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh**

**Mẫu số I.02**

**TÊN TỔ CHỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ....

..., ngày .... tháng .... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh**

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

(Tên tổ chức) đề nghị Bộ Quốc phòng phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh với các nội dung sau:

1. Nhu cầu sử dụng đất, khu vực mặt nước để làm cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.
2. Vị trí, tọa độ địa lý của cảng hàng không chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước, bố trí hệ thống các công trình phụ trợ của cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.
3. Hướng cất hạ cánh của bãi cất, hạ cánh, thiết bị dẫn đường, chỉ huy bay.
4. Đánh giá đối với bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không.
5. Hệ thống đường giao thông nội bộ trong bãi cất, hạ cánh, tuyến đường kết nối với cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.
6. Hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện, thoát hiểm, phòng chống cháy nổ, cảnh báo hàng không (nếu có).
7. Phương thức cất hạ cánh cho loại máy bay sử dụng.
8. Tổng khái toán đầu tư và thời gian, tiến độ triển khai thực hiện.
9. Các bản vẽ thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh tỷ lệ 1/500.

*(Kèm theo thuyết minh, bản vẽ vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh)*

(Tên tổ chức) đề nghị Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh với các nội dung nêu trên.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)*

**b) Mẫu Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh**

**Mẫu số II.02**

**BỘ QUỐC PHÒNG  
BỘ TỔNG THAM MƯU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-...

....., ngày .... tháng .... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh**

**TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG**

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;  
Căn cứ Nghị định số.../ND-CP ngày .... tháng... năm của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;*

*Căn cứ .....;*  
*Căn cứ .....;*  
*Trên cơ sở đề nghị của.....;*  
*Xét đề nghị của.....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh với các nội dung sau:

1. Nhu cầu sử dụng đất, khu vực mặt nước để làm cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.
2. Vị trí, tọa độ địa lý của cảng hàng không chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước, bố trí hệ thống các công trình phụ trợ của cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.
3. Hướng cất hạ cánh của bãi cất, hạ cánh, thiết bị dẫn đường, chỉ huy bay.
4. Hệ thống đường giao thông nội bộ trong bãi cất, hạ cánh, tuyến đường kết nối với cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.
5. Hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện, thoát hiểm, phòng chống cháy nổ, cảnh báo hàng không (nếu có).
6. Phương thức cất hạ cánh cho loại máy bay sử dụng.
7. Tổng khái toán đầu tư và thời gian, tiến độ triển khai thực hiện.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. .... có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi nhận:*

- .....;

- .....

**TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)*

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup> .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup> ....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup> ..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

### **3. Mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo**

#### **3.1. Trình tự thực hiện:**

##### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh nộp hồ sơ đề nghị mở bãi cát, hạ cánh đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

##### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, trường hợp có ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng hoặc có liên quan đến quy hoạch vùng, địa phương thì Cục Tác chiến báo cáo Bộ Tổng Tham mưu gửi văn bản lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở bãi cát, hạ cánh.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị mở bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu; Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tổng Tham mưu ra văn bản mở bãi cát, hạ cánh. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

#### **3.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Quốc phòng.

#### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### a) Thành phần:

- Đơn đề nghị mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo theo Mẫu số I.12 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Các bản vẽ mặt bằng vị trí bãi cát, hạ cánh; tổng mặt bằng khu đất, công trình nhân tạo; mặt bằng chi tiết bãi cát, hạ cánh, trong đó thể hiện rõ cốt xây dựng, điểm quy chiếu, kích thước cơ bản của bãi cát, hạ cánh; vị trí bãi cát, hạ cánh trên công trình nhân tạo; hướng cát, hạ cánh cơ bản; đối với bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, bản vẽ sơ đồ ranh giới khu đất, mặt nước xây dựng.

##### b) Số lượng: 01 bộ

#### **3.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời gian lấy ý kiến: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời gian gửi văn bản trả lời: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày

nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng tham mưu.

- Thời gian quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục tác chiến - Bộ Tổng tham mưu;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu;

d) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không, Bộ Xây dựng

**3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản mở bãi cất, hạ cánh;

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**3.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:** - - Đơn đề nghị mở bãi cất, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo;

- Văn bản mở bãi cất, hạ cánh;

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**3.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Không

**3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cất, hạ cánh;

**a) Mẫu Đơn đề nghị mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo**

**Mẫu số I.12**

**TÊN DOANH NGHIỆP**                      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày ..... tháng ..... năm ....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, các tòa nhà,  
 công trình nhân tạo, nhà giàn, giàn khoan dầu khí**

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.  
 Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;  
 Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ...tháng .....năm 2026 của  
 Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;

Căn cứ Nghị định:.....

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Người đại diện (chủ sở hữu): .....

Số căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....

Nơi cấp: ....., ngày cấp:.....

Địa chỉ, nơi cư trú: ..... số điện thoại:.....

Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân): .....

Tên bãi cát, hạ cánh đề nghị mở:.....

Loại hình bãi cát, hạ cánh:.....

Vị trí bãi cát, hạ cánh: .....

Vị trí công trình (nếu mở trên công trình nhân tạo).

Điểm quy chiếu bãi cát, hạ cánh (hệ tọa độ VN2000 hoặc WGS-84):.....

Diện tích mặt đất (công trình nhân tạo để mở bãi cát, hạ cánh):.....

Sức chịu tải của bãi cát, hạ cánh:.....

Mục đích sử dụng bãi cát, hạ cánh:.....

Thời hạn sử dụng bãi cát, hạ cánh: .....

Loại tàu bay khai thác:.....

Số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: ... ngày... tháng... năm... cấp.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: ... ngày... tháng... năm... cấp.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: ... ngày... tháng... năm... cấp.....

Các kiến nghị (nếu có):.....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ  
 theo quy định pháp luật)

**b) Mẫu văn bản mở bãi cát, hạ cánh****Mẫu số II.12****QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM  
BỘ TỔNG THAM MƯU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

V/v mở/mở lại bãi cát, hạ cánh<sup>(1)</sup>....Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>Xét đề nghị của<sup>(2)</sup> ..... tại văn bản số ..... về việc<sup>(3)</sup> ..... Bộ  
Tổng Tham mưu có ý kiến như sau:1. Đồng ý cho<sup>(2)</sup> ..... được mở/mở lại bãi cát, hạ cánh sử dụng cho tàu bay<sup>(4)</sup>  
.... trên ..... phục vụ mục đích<sup>(5)</sup> ..... cụ thể:

- Loại bãi cát, hạ cánh: .....
- Kích thước: .....
- Kết cấu mặt bãi cát, hạ cánh: .....
- Tải trọng cát, hạ cánh: .....
- Khu vực hoạt động: .....
- Thời gian sử dụng: .....

2. Yêu cầu đối với người khai thác bãi cát, hạ cánh:.....

Bộ Tổng Tham mưu thông báo để các cơ quan có liên quan biết để triển khai  
thực hiện.**Nơi nhận:**

- .....

**TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp  
lệ theo quy định pháp luật)***Ghi chú:**

- (1) Ghi tên bãi cát, hạ cánh;
- (2) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị mở/mở lại bãi cát, hạ cánh;
- (3) Ghi nội dung đề nghị;
- (4) Ghi loại tàu bay khai thác;
- (5) Ghi mục đích mở/mở lại bãi cát, hạ cánh.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup>....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup>..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....;  
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;  
(2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;  
(3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;  
(4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;  
(5) Ghi tên thủ tục hành chính;  
(6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

#### **4. Đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo**

##### **4.1. Trình tự thực hiện:**

###### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh nộp đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

###### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản yêu cầu chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng bãi cát, hạ cánh sau khi có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng và gửi văn bản đến chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

##### **4.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Quốc phòng.

##### **4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

###### a) Thành phần:

- Đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo theo Mẫu số I.13 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

###### b) Số lượng: 01 bộ

##### **4.4. Thời hạn giải quyết:**

07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

##### **4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân**

##### **4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục tác chiến - Bộ Tổng tham mưu;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu;

d) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không, Bộ Xây dựng

##### **4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản đóng bãi cát, hạ cánh;

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

##### **4.8. Phí, lệ phí: Không có.**

##### **4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo;

- Văn bản đóng bãi cát, hạ cánh;
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**4.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khi đóng bãi cát, hạ cánh Bộ Tổng Tham mưu có văn bản thông báo gửi Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Xây dựng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

**4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cát, hạ cánh;

**a) Mẫu Đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo**

**Mẫu số I.13**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày ..... tháng ..... năm ....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, các tòa nhà,  
công trình nhân tạo, nhà giàn, giàn khoan dầu khí**

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.  
Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;  
Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của  
Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Người đại diện (chủ sở hữu):.....

Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....

Nơi cấp: ....., ngày cấp:.....

Địa chỉ, nơi cư trú: ..... số điện thoại:.....

Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân): .....

Tên bãi cát, hạ cánh: .....

Vị trí bãi cát, hạ cánh: .....

Lý do đóng: .....

Thời điểm đóng:.....

Phương án khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan đến bãi cát, hạ cánh:.....

.....

Các tài liệu liên quan đến đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh: .....

Các kiến nghị (nếu có):.....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký  
điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

**b) Mẫu văn bản đóng bãi cất, hạ cánh****Mẫu số II.13****QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM  
BỘ TỔNG THAM MƯU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

V/v đóng bãi cất, hạ cánh<sup>(1)</sup> .....Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>

Xét đề nghị của<sup>(2)</sup> ..... tại văn bản số ..... về việc<sup>(3)</sup> .....  
 Bộ Tổng Tham mưu có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho <sup>(2)</sup> ..... được đóng bãi cất, hạ cánh sử dụng cho tàu bay<sup>(4)</sup> ....  
 trên ....., cụ thể:

- Loại bãi cất, hạ cánh: .....
- Kích thước: .....
- Kết cấu mặt bãi cất, hạ cánh: .....
- Tải trọng cất, hạ cánh: .....
- Khu vực hoạt động: .....
- Thời gian đóng: .....

2. Yêu cầu đối với người khai thác bãi cất, hạ cánh:

.....  
 Bộ Tổng Tham mưu thông báo để các cơ quan có liên quan biết để triển khai thực hiện.

**Nơi nhận:**

- .....

**TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp  
 lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên bãi cất, hạ cánh;
- (2) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng bãi cất, hạ cánh;
- (3) Ghi nội dung đề nghị;
- (4) Ghi loại tàu bay khai thác.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup> ....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup>..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **5. Mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu**

### **5.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh nộp hồ sơ đề nghị mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

#### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở bãi cát, hạ cánh.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị mở bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tổng Tham mưu ra văn bản mở bãi cát, hạ cánh và gửi văn bản đến chủ sở hữu tàu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **5.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Quốc phòng.

### **5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần:

- Đơn đề nghị mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu theo Mẫu số I.14 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Các bản vẽ mặt cắt dọc, cắt ngang thể hiện chiều cao các hệ thống, thiết bị trên boong tàu, mặt bằng và kích thước của mặt boong, kích thước bãi cát, hạ cánh trên boong tàu và các bộ phận liền kề, tiếp giáp.

#### b) Số lượng: 01 bộ

### **5.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời gian lấy ý kiến: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời gian gửi văn bản trả lời: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng tham mưu.

- Thời gian quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục tác chiến - Bộ Tổng tham mưu;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu;
- d) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không, Bộ Xây dựng

**5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản mở bãi cát, hạ cánh;
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**5.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu;
- Văn bản mở bãi cát, hạ cánh;
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**5.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Không

**5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cát, hạ cánh;

**a) Mẫu Đơn đề nghị mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu****Mẫu số I.14****TÊN DOANH NGHIỆP**  
\_\_\_\_\_**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
\_\_\_\_\_

Số: .....

..., ngày ..... tháng ..... năm ....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu**  
\_\_\_\_\_

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.  
 Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;  
 Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của  
 Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện (chủ sở hữu): .....

Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....

Nơi cấp: ....., ngày cấp:.....

Địa chỉ, nơi cư trú: ..... số điện thoại:.....

Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân): .....

Tên tàu: .....

Quốc tịch của tàu: .....

Tính năng kỹ thuật của tàu: .....

Phạm vi, khu vực hoạt động của tàu:.....

Kích thước mặt boong tàu:.....

Kích thước bãi cát, hạ cánh trên tàu: .....

Mục đích sử dụng bãi cát, hạ cánh:.....

Loại tàu bay khai thác: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:...ngày...tháng...năm...cấp.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:...ngày...tháng...năm...cấp.....

Các kiến nghị (nếu có):.....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ  
theo quy định pháp luật)*

**b) Mẫu văn bản mở bãi cát, hạ cánh****Mẫu số II.12****QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM  
BỘ TỔNG THAM MƯU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

V/v mở/mở lại bãi cát, hạ cánh<sup>(1)</sup>....Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>Xét đề nghị của<sup>(2)</sup> ..... tại văn bản số ..... về việc<sup>(3)</sup> ..... Bộ  
Tổng Tham mưu có ý kiến như sau:1. Đồng ý cho<sup>(2)</sup> ..... được mở/mở lại bãi cát, hạ cánh sử dụng cho tàu bay<sup>(4)</sup>  
.... trên ..... phục vụ mục đích<sup>(5)</sup> ..... cụ thể:

- Loại bãi cát, hạ cánh: .....
- Kích thước: .....
- Kết cấu mặt bãi cát, hạ cánh: .....
- Tải trọng cát, hạ cánh: .....
- Khu vực hoạt động: .....
- Thời gian sử dụng: .....

2. Yêu cầu đối với người khai thác bãi cát, hạ cánh:.....

Bộ Tổng Tham mưu thông báo để các cơ quan có liên quan biết để triển khai  
thực hiện.**Nơi nhận:**

- .....

**TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp  
lệ theo quy định pháp luật)***Ghi chú:**

- (1) Ghi tên bãi cát, hạ cánh;
- (2) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị mở/mở lại bãi cát, hạ cánh;
- (3) Ghi nội dung đề nghị;
- (4) Ghi loại tàu bay khai thác;
- (5) Ghi mục đích mở/mở lại bãi cát, hạ cánh.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup>....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup>..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **6. Đóng bãi cát, hạ cánh trên boong tàu**

### **6.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh nộp đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên boong tàu đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

#### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản yêu cầu chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng bãi cát, hạ cánh sau khi có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng và gửi văn bản đến chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **6.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Quốc phòng.

### **6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần:

- Đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên boong tàu theo Mẫu số I.15 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

#### b) Số lượng: 01 bộ

### **6.4. Thời hạn giải quyết:**

07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

### **6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh

### **6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục tác chiến - Bộ Tổng tham mưu;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu;

d) Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng

### **6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản đóng bãi cát, hạ cánh;

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

### **6.8. Phí, lệ phí:** Không có.

### **6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên boong tàu;

- Văn bản đóng bãi cất, hạ cánh;
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy.

#### **6.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khi đóng bãi cất, hạ cánh Bộ Tổng Tham mưu có văn bản thông báo gửi Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Xây dựng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

#### **6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cất, hạ cánh;

#### **a) Mẫu Đơn đề nghị đóng bãi cất, hạ cánh trên boong tàu**

**Mẫu số I.15**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày ..... tháng ..... năm ....

#### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

#### **Đóng bãi cất, hạ cánh trên boong tàu**

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ...tháng .....năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Người đại diện (chủ sở hữu): .....

Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....

Nơi cấp: ....., ngày cấp:.....

Địa chỉ, nơi cư trú: .....số điện thoại:.....

Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân): .....

Tên tàu: .....

Quốc tịch của tàu:.....

Tên bãi cất, hạ cánh: .....

Lý do đóng: .....

Thời điểm đóng: .....

Các kiến nghị (nếu có): .....

#### **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ  
theo quy định pháp luật)

**b) Mẫu văn bản đóng bãi cát, hạ cánh****Mẫu số II.13****QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM  
BỘ TỔNG THAM MƯU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

V/v đóng bãi cát, hạ cánh<sup>(1)</sup> .....Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>

Xét đề nghị của<sup>(2)</sup> ..... tại văn bản số ..... về việc<sup>(3)</sup> .....  
 Bộ Tổng Tham mưu có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho <sup>(2)</sup> ..... được đóng bãi cát, hạ cánh sử dụng cho tàu bay<sup>(4)</sup> ....  
 trên ....., cụ thể:

- Loại bãi cát, hạ cánh: .....
- Kích thước: .....
- Kết cấu mặt bãi cát, hạ cánh: .....
- Tải trọng cát, hạ cánh: .....
- Khu vực hoạt động: .....
- Thời gian đóng: .....

2. Yêu cầu đối với người khai thác bãi cát, hạ cánh:

.....  
 Bộ Tổng Tham mưu thông báo để các cơ quan có liên quan biết để triển khai thực hiện.

**Nơi nhận:**

- .....

**TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp  
 lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên bãi cát, hạ cánh;
- (2) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh;
- (3) Ghi nội dung đề nghị;
- (4) Ghi loại tàu bay khai thác.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup> ....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup>..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **7. Đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh**

### **7.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh nộp đơn đề nghị đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

#### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản yêu cầu chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tổng Tham mưu ra văn bản đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh sau khi có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng và gửi văn bản đến chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **7.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Quốc phòng.

### **7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần:

- Đơn đề nghị đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh theo Mẫu số I.16 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

#### b) Số lượng: 01 bộ

### **7.4. Thời hạn giải quyết:**

12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

### **7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh

### **7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục tác chiến - Bộ Tổng tham mưu;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu;

d) Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng

### **7.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh;

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

### **7.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị đóng tạm thời bãi cắt, hạ cánh;
- Văn bản đóng tạm thời bãi cắt, hạ cánh;
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**7.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Không

**7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cắt, hạ cánh;

**a) Mẫu Đơn đề nghị đóng tạm thời bãi cất, hạ cánh****Mẫu số I.16****TÊN DOANH NGHIỆP**  
\_\_\_\_\_**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
\_\_\_\_\_

Số: .....

..., ngày ..... tháng ..... năm ....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Đóng tạm thời bãi cất, hạ cánh**  
\_\_\_\_\_

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.  
 Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;  
 Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của  
 Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Người đại diện (chủ sở hữu): .....

Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....

Nơi cấp: ....., ngày cấp:.....

Địa chỉ, nơi cư trú: ..... số điện thoại:.....

Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân): .....

Tên bãi cất, hạ cánh:.....

Lý do đóng:.....

Thời gian đóng:.....

Phương án khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan đến đề nghị đóng tạm thời  
bãi cất, hạ cánh: .....

Các tài liệu liên quan đến đề nghị đóng tạm thời bãi cất, hạ cánh:.....

Các kiến nghị (nếu có): .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ  
theo quy định pháp luật)*

**b) Mẫu văn bản đóng bãi cát, hạ cánh****Mẫu số II.13****QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM  
BỘ TỔNG THAM MƯU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

V/v đóng bãi cát, hạ cánh<sup>(1)</sup> .....Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>

Xét đề nghị của<sup>(2)</sup> ..... tại văn bản số ..... về việc<sup>(3)</sup> .....  
 Bộ Tổng Tham mưu có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho <sup>(2)</sup> ..... được đóng bãi cát, hạ cánh sử dụng cho tàu bay<sup>(4)</sup> ....  
 trên ....., cụ thể:

- Loại bãi cát, hạ cánh: .....
- Kích thước: .....
- Kết cấu mặt bãi cát, hạ cánh: .....
- Tải trọng cát, hạ cánh: .....
- Khu vực hoạt động: .....
- Thời gian đóng: .....

2. Yêu cầu đối với người khai thác bãi cát, hạ cánh:

.....  
 Bộ Tổng Tham mưu thông báo để các cơ quan có liên quan biết để triển khai thực hiện.

**Nơi nhận:**

- .....

**TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp  
 lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên bãi cát, hạ cánh;
- (2) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh;
- (3) Ghi nội dung đề nghị;
- (4) Ghi loại tàu bay khai thác.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup> .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup> ....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup> ..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

## **8. Mở lại bãi cát, hạ cánh**

### **8.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh nộp hồ sơ đề nghị mở lại bãi cát, hạ cánh đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

#### b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu gửi văn bản lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị mở lại bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tổng Tham mưu ra văn bản mở lại bãi cát, hạ cánh. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

### **8.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Quốc phòng.

### **8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần:

- Đơn đề nghị mở lại bãi cát, hạ cánh theo Mẫu I.17 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

#### b) Số lượng: 01 bộ

### **8.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời gian lấy ý kiến: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời gian gửi văn bản trả lời: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng tham mưu.

- Thời gian quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

### **8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.**

### **8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục tác chiến - Bộ Tổng tham mưu;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu;

d) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không, Bộ Xây dựng

**8.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản mở bãi cát, hạ cánh;  
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**8.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đơn đề nghị mở lại bãi cát, hạ cánh;  
- Văn bản mở bãi cát, hạ cánh;  
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

**8.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Không

**8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính :**

Nghị định 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về khai thác cảng và bãi cát, hạ cánh;

**a) Mẫu Đơn đề nghị mở lại bãi cát, hạ cánh****Mẫu số I.17****TÊN DOANH NGHIỆP**  
\_\_\_\_\_**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
\_\_\_\_\_

Số: .....

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Mở lại bãi cát, hạ cánh**  
\_\_\_\_\_

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.  
 Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;  
 Căn cứ Nghị định số ..... /2026/NĐ-CP ngày ....tháng .....năm 2026 của  
 Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Người đại diện (chủ sở hữu): .....

Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....

Nơi cấp: ....., ngày cấp:.....

Địa chỉ, nơi cư trú: ..... số điện thoại:.....

Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân): .....

Tên bãi cát, hạ cánh: .....

Vị trí bãi cát, hạ cánh: .....

Số quyết định đóng tạm thời:.....

Lý do đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh:.....

Kết quả thực hiện phương án khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan đến việc đóng  
 tạm thời bãi cát, hạ cánh: .....

Lý do mở lại: .....

Quy mô bãi cát, hạ cánh sau khi mở lại:.....

- Diện tích mặt đất (mặt nước): .....

- Cấp bãi cát, hạ cánh: .....

- Kích thước đường cát, hạ cánh: .....

- Sức chịu tải của đường cát, hạ cánh: .....

Mục đích sử dụng bãi cát, hạ cánh: .....

Loại tàu bay khai thác: .....

Các thông tin khác:.....

Các kiến nghị (nếu có):.....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ  
 theo quy định pháp luật)

**b) Mẫu văn bản mở bãi cát, hạ cánh****Mẫu số II.12****QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM  
BỘ TỔNG THAM MƯU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

V/v mở/mở lại bãi cát, hạ cánh<sup>(1)</sup>....Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>Xét đề nghị của<sup>(2)</sup> ..... tại văn bản số ..... về việc<sup>(3)</sup> ..... Bộ Tổng Tham mưu có ý kiến như sau:1. Đồng ý cho<sup>(2)</sup> ..... được mở/mở lại bãi cát, hạ cánh sử dụng cho tàu bay<sup>(4)</sup> .... trên ..... phục vụ mục đích<sup>(5)</sup> ..... cụ thể:

- Loại bãi cát, hạ cánh: .....
- Kích thước: .....
- Kết cấu mặt bãi cát, hạ cánh: .....
- Tải trọng cát, hạ cánh: .....
- Khu vực hoạt động: .....
- Thời gian sử dụng: .....

2. Yêu cầu đối với người khai thác bãi cát, hạ cánh:.....

Bộ Tổng Tham mưu thông báo để các cơ quan có liên quan biết để triển khai thực hiện.

**Nơi nhận:**

- .....

**TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)***Ghi chú:**

- (1) Ghi tên bãi cát, hạ cánh;
- (2) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị mở/mở lại bãi cát, hạ cánh;
- (3) Ghi nội dung đề nghị;
- (4) Ghi loại tàu bay khai thác;
- (5) Ghi mục đích mở/mở lại bãi cát, hạ cánh.

## c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

V/v:<sup>(2)</sup>.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....<sup>(3)</sup>

.....<sup>(1)</sup> nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của<sup>(3)</sup> .....  
kèm theo hồ sơ về việc<sup>(2)</sup> .....

Căn cứ các quy định tại<sup>(4)</sup> .....

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....<sup>(1)</sup> có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...;  
<sup>(5)</sup>....., cụ thể như sau:

.....<sup>(6)</sup>

.....<sup>(1)</sup> thông báo đ<sup>(3)</sup>..... được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- .....
- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử  
hợp lệ theo quy định pháp luật)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...